

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY
BỘ MÔN LỊCH SỬ
❧❧❧

ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ 12

NĂM HỌC: 2023-2024

PHẦN I. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (1945-2000)

Bài 1

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945-1949)

1. Hội nghị Ianta (2-1945) và hệ quả.

A. Hoàn cảnh:

- Đầu năm 1945, CTTG II sắp kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách được đặt ra:
- + Nhanh chóng đánh bại các nước phát xít
- + Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh
- + Phân chia thành quả chiến thắng.
- Trong bối cảnh đó, từ ngày 4 đến 11-2-1945, lãnh đạo 3 nước Mỹ (Ru-dơ-ven), Anh (Sóc- sin), Liên Xô (Xtalin) họp hội nghị quốc tế ở Ianta (Liên Xô).

b. Những quyết định quan trọng:

- Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á sau khi tiêu diệt Đức.
- Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc.
- Thỏa thuận việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận ở châu Âu và châu Á.
- + Ở Châu Âu: Liên xô chiếm đông Beclin, đông Đức, đông Âu. Mỹ, Anh, Pháp chiếm tây Beclin, tây Đức và Tây Âu.
- + Ở châu Á:
- Vùng ảnh hưởng của Liên Xô: Mông Cổ, Bắc Triều Tiên, Nam xakhalin, 4 đảo thuộc quần đảo Curin.
- Vùng ảnh hưởng của Mỹ và phương tây: Nhật bản, Triều Tiên, đông nam Á, Nam Á, Tây Á.....
- Trung Quốc trở thành quốc gia thống nhất và dân chủ
- Theo thỏa thuận của Hội nghị Potsdam (Đức) việc giải giáp Phát xít Nhật ở Đông Dương được giao cho Anh vào phía nam vĩ tuyến 16, và quân đội Trung Hoa Dân Quốc vào phía Bắc vĩ tuyến 16.

c. Hệ quả:

- Những quyết định của hội nghị Ianta cùng những thỏa thuận sau đó của 3 cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới: "**Trật tự hai cực Ianta**" (Xô-Mĩ)
- Một trật tự thế giới mới được hình thành với đặc trưng cơ bản nhất là thế giới chia làm hai cực hai phe TBCN và XHCN do Mĩ và Liên Xô đứng đầu.

2. Tổ chức Liên Hợp quốc

a. Hoàn cảnh thành lập:

- Từ 25-4 đến 26-6-1945, đại biểu 50 nước họp tại Xan Phranxixcô (Mỹ), thông qua Hiến chương thành lập tổ chức LHQ
- Ngày 24-10-1945 Hiến chương LHQ có hiệu lực. (Từ 1947 quyết định lấy là ngày Liên Hợp Quốc)

b. Mục đích

- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- Phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới.

c. Nguyên tắc hoạt động

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết các dân tộc.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

- Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa năm nước lớn (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc).

d. Các cơ quan chính

Hiến chương qui định cơ cấu tổ chức có 6 cơ quan chính:

- **Đại hội đồng:** Hội nghị thường niên của tất cả các nước hội viên, mỗi năm họp một lần.

- **Hội đồng bảo an:** Cơ quan chính trị quan trọng nhất, chịu trách nhiệm chính về hoà bình và an ninh thế giới, thông qua 5 nước lớn (Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô (Nga), Trung Quốc).

- **Ban thư ký:** Là cơ quan hành chính, đứng đầu là tổng thư ký do hội đồng bảo an giới thiệu.

- **Tòa án quốc tế:** là cơ quan tư pháp của Liên Hợp Quốc, có nhiệm vụ giải quyết các tranh chấp giữa các nước theo luật pháp quốc tế. có 15 thẩm phán thuộc các quốc gia khác nhau nhiệm kì 9 năm.

- **Hội đồng Kinh tế và Xã hội:** nhiệm vụ nghiên cứu, báo cáo xúc tiến việc hợp tác quốc tế về kinh tế xã hội văn hóa giáo dục, y tế nhân đạo nhằm cải thiện đời sống vật chất tinh thần của các dân tộc.

- **Hội đồng Quản thác:** giúp đại hội đồng kiểm soát việc thi hành chế độ quản thác ở các lãnh thổ Liên Hợp Quốc ủy quyền cho một số nước quản lí nhằm mục tiêu tạo điều kiện cho các lãnh thổ đó đủ khả năng tiến tới tự trị hoặc độc lập.

- Ngoài ra Liên hợp quốc có hàng trăm tổ chức chuyên môn khác, trụ sở đặt tại New York (Mỹ).

d. Vai trò

- Là diễn đàn quốc tế nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới

- Giải quyết các tranh chấp và xung đột khu vực.

- Thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế...

- Các tổ chức Liên hợp quốc có mặt ở VN: WHO (y tế), FAO (lương thực), IMF (tiền tệ) ILO (lao động), ICAO (hàng không), UNESCO (văn hóa...)

- Hiện nay, LHQ có 193 thành viên, Việt Nam (thành viên 149) gia nhập LHQ ngày 20-9-1977. Và trở thành thành viên không thường trực của Hội Đồng Bảo An LHQ nhiệm kỳ 2008-2009

Bài 2

LIÊN XÔ (1945-1991) LIÊN BANG NGA (1991-2000)

1. Thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô (1945- những năm 70)

a. Hoàn cảnh

- Liên Xô chịu tổn thất nặng nề sau CTTG2: 27 triệu người chết, 1.710 thành phố và hơn 7 vạn làng mạc bị thiêu hủy, 32.000 xí nghiệp bị tàn phá.

- Các nước tư bản bao vây kinh tế, cô lập về chính trị.

- Với tinh thần tự lực tự cường, nhân dân Liên Xô đã khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH đạt nhiều thành tựu.

b. Những thành tựu

+ Kinh tế:

- Hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế trong 4 năm 3 tháng.

- Năm 1950, sản lượng công nghiệp tăng 73%, nông nghiệp đạt mức trước chiến tranh.

- Giữa những năm 1970 là cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới, đi đầu trong công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân...

+ Khoa học-Kỹ thuật

- Năm 1949, chế tạo thành công bom nguyên tử. (phá vỡ thế độc quyền về bom nguyên tử của Mỹ, tạo thế cân bằng về vũ khí hạt nhân với các nước đế quốc)

- Năm 1957 phóng vệ tinh nhân tạo

- Năm 1961, phóng thành công tàu vũ trụ Phương Đông I đưa Gagarin vòng quanh trái đất → mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

+ **Xã hội** có nhiều biến đổi: Tỷ lệ công nhân chiếm 55 % số người lao động, trình độ học vấn của người dân được nâng cao.

c. Đối ngoại

- Thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình thế giới.
- Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước XHCN.

d. Ý nghĩa

- Chứng tỏ tính ưu việt của CNXH: xây dựng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng.
- Làm đảo lộn toàn bộ chiến lược của Mỹ và đồng minh.

2. Nguyên nhân tan rã chế độ CNXH ở Liên Xô và Đông Âu

- Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, tập trung quan liêu... làm cho sản xuất trì trệ, đời sống không cải thiện. Thiếu dân chủ, công bằng...
 - Không bắt kịp bước phát triển của khoa học-kỹ thuật tiên tiến dẫn đến trì trệ, khủng hoảng kinh tế xã hội
 - Khi tiến hành cải tổ phạm nhiều sai lầm trên tất cả các mặt.
 - Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
- Đây là sự sụp đổ của mô hình XHCN chưa khoa học, chưa nhân văn và là một bước lùi tạm thời của CNXH.

3. Liên bang Nga (1991-2000)

- Liên bang Nga là “*quốc gia kế tục Liên Xô*”, kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô.

a. Kinh tế:

- 1990-1995: tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của GDP luôn là số âm.
- Từ 1996-2000: có tín hiệu phục hồi và phát triển (năm 2000 GDP tăng 9%/năm)

b. Chính trị

- Tháng 12-1993, Ban hành Hiến pháp, quy định thể chế Tổng thống Liên bang.
- Trong những năm 90, tình hình chính trị xã hội không ổn định do tranh chấp các đảng phái, xung đột sắc tộc nổi bật là phong trào ly khai của người Tréc-ni-a.
- Từ năm 2000, tình hình dần ổn định, địa vị quốc tế được nâng cao.

c. Đối ngoại

- Ngã về phương Tây với hi vọng nhận được viện trợ về kinh tế và chính trị
- Khôi phục quan hệ ngoại giao với các nước Châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ...)
- 2001 tổng Thống Nga Putin viếng thăm Việt Nam.

Bài 3

CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

1. Tình hình các nước Đông Bắc Á sau CTTG2

- Đông Bắc Á là khu vực rộng lớn, đông dân nhất thế giới. Trước CTTG2 đều bị thực dân nô dịch (trừ Nhật Bản)
- Sau năm 1945, tình hình khu vực có nhiều biến đổi:
 - + Cách mạng Trung Quốc thắng lợi dẫn tới sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1-10-1949) (cuối 90 (XX) thu hồi Hồng Công và Ma Cao)
 - + Bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành 2 miền theo vĩ tuyến 38. Miền Nam: Nước Đại Hàn Dân quốc (8-1948), Miền Bắc: Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (9-1948) (1950-1953: nội chiến → 7/1953 kí hiệp định đình chiến tại Bàn Môn Điếm → từ 2000 kí hiệp định hòa bình.
 - + Từ nửa sau thế kỉ XX, kinh tế các nước trong khu phát triển nhanh chóng một số nước hóa rồng như Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan
 - + Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới trong thời gian dài
 - + Cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng nhanh và cao nhất thế giới → Nhiều chuyên gia dự đoán ‘*thế kỉ XXI là thế kỉ của châu Á*’

2. Sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và 10 năm xây dựng chế độ mới.

a. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời

- Từ năm 1946-1949, nội chiến đã xảy ra giữa Đảng Quốc dân và Đảng Cộng sản → Đảng Cộng sản giành thắng lợi → Ngày 01-10-1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập

- Ý nghĩa:

- + Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc
- + Xóa bỏ tàn dư phong kiến, mở ra kỷ nguyên độc lập tự do tiến lên CNXH...
- + Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

b. Mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội :

- Nhiệm vụ hàng đầu là đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và giáo dục.

*** Về kinh tế:**

- 1950 – 1952: thực hiện khôi phục kinh tế, cải cách dân chủ, phát triển văn hóa, giáo dục.
- 1953 – 1957: Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, kết quả tổng sản lượng công, nông nghiệp tăng 11,8 lần, riêng công nghiệp tăng 10,7 lần. Văn hóa, giáo dục có bước tiến vượt bậc.

*** Về đối ngoại:**

- Thi hành chính sách tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.
- Ngày 18/01/1950, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam

3. Đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc từ 1978 đến nay

*** Hoàn cảnh:**

- Tháng 12-1978, Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối cải cách kinh tế-xã hội do Đặng Tiểu Bình khởi xướng được nâng lên thành đường lối chung vào đại hội XIII (1987)

*** Nội dung:**

- Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm
- Tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN...
- Biến Trung Quốc thành nước hiện đại hóa, giàu mạnh, dân chủ và văn minh

*** Thành tựu:**

- Sau 20 năm (1979-1998), kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao (*GDP trung bình tăng 8%/năm*), đời sống nhân dân cải thiện rõ rệt...
- Khoa học – kỹ thuật đạt thành tựu nổi bật :
 - + Năm 1964 thử thành công bom nguyên tử.
 - + 3/2003: Phóng thành công 4 tàu “Thần Châu ” vào không gian
 - + 10/2003: Phóng thành công tàu “Thần Châu 5” đưa nhà du hành đi bộ ngoài vũ trụ (Trung Quốc trở thành nước thứ 3 có người bay vào không gian)
 - + 2008 phóng “thần châu 7” đưa nhà du hành đi bộ ngoài không gian

*** Đối ngoại:**

- Vào những năm 80 của TK XX, Trung Quốc Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ, In-đô-nê-sia....
- 2/1979 Trung Quốc mở cuộc tấn công biên giới phía Bắc Việt Nam → 11/1991 hai nước bình thường hóa quan hệ.
- Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới
- Vai trò và vị trí của Trung Quốc nâng cao trên trường quốc tế, thu hồi chủ quyền Hồng Công (1997) và Ma Cao (1999).
- Đài Loan là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc, nhưng đến nay Trung Quốc vẫn chưa kiểm soát được.

Bài 4 CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ÁN ĐỘ

I. ĐÔNG NAM Á

1. Sự thành lập các quốc gia độc lập sau chiến tranh thế giới thứ 2.

a. Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập.

- Diện tích 4,5 triệu km², dân số: 528 triệu người (2002), gồm 11 quốc gia.
- Trước CTTG2, ĐNÁ là thuộc địa của các đế quốc Âu Mỹ (trừ Thái Lan)
- Trong CTGT 2, bị Nhật chiếm đóng
- Tháng 8-1945, Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân ĐNÁ đứng lên đấu tranh, nhiều nước giành độc lập hoặc đã giải phóng phần lớn lãnh thổ như Indonesia (17/08/1945), Việt Nam (2/9/1945) Lào (12/10/1945).
- Sau đó, thực dân Âu-Mỹ tái chiếm ĐNÁ → nhân dân ở đây tiến hành kháng chiến chống xâm lược và giành độc lập hoàn toàn (Indonesia -1950), Việt Nam, Lào, Campuchia - 1975)) hoặc buộc đế quốc phải công nhận độc lập (Philippine: 1946, Miến Điện: (1948), Mã Lai: 1957, Singapore: 1959)
- Brunei độc lập năm 1984, Đông Timor độc lập 2002.

b. Lào (1945-1975)

+ Kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

- 8-1945, Nhật đầu hàng đồng minh, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền cách mạng và tuyên bố độc lập (12.10.1945)
- 3-1946, Pháp trở lại xâm lược, nhân dân Lào kháng chiến chống Pháp từ 1946-1954 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương và giúp đỡ quân tình nguyện Việt Nam
- 7-1954, Pháp ký hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào

+ Kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)

- Sau 1954, Mỹ xâm lược Lào → Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ trên cả 3 mặt trận: quân sự- chính trị- ngoại giao.
- Tháng 2-1973, Hiệp định Viêng-Chăn về lập lại hòa bình và hòa hợp dân tộc ở Lào được ký kết.
- Thắng lợi của cách mạng Việt Nam 1975 tạo điều kiện cho Lào đấu tranh và thành lập nước **Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào** 2-12-1975. Lào bước vào thời kỳ mới: xây dựng đất nước và phát triển kinh tế-xã hội.

c. Campuchia từ 1945-1993.

* 1945-1954: *kháng chiến chống Pháp*

- Từ cuối 1945 đến 1954, nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Ngày 9-11-1953, Pháp ký Hiệp ước trao trả độc lập cho Campuchia.
- Tháng 7-1954, Pháp ký Hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập Campuchia.

* 1954-1970: *Chính phủ Xi-hanuc thực hiện đường lối trung lập, hòa bình xây dựng đất nước*

* 1970-1975: *kháng chiến chống Mỹ*

- Cuộc kháng chiến chống Mỹ và tay sai đã giành thắng lợi
- 17- 4- 1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ.

* 1975-1979: *nội chiến chống Khơ-me đỏ*

- Tập đoàn Khơ-me đỏ do Pôn-Pốt cầm đầu đã phản bội cách mạng, thi hành chính sách diệt chủng tàn bạo...
- 7-1-1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, Campuchia bước vào thời kỳ hồi sinh, xây dựng lại đất nước

* 1979-1993: *thời kì hồi sinh và xây dựng đất nước và đấu tranh chống các thế lực thù địch*

- Từ 1979-1991: nội chiến tiếp tục diễn ra, kéo dài hơn một thập niên
- Tháng 10-1991, Hiệp định hòa bình về Campuchia được ký kết
- Sau cuộc Tổng tuyển cử năm 1993, Campuchia trở thành Vương quốc độc lập bước vào thời kỳ hòa bình, xây dựng, phát triển đất nước.

2. Quá trình xây dựng và phát triển của nhóm 5 nước Đông Nam Á

a. Nhóm năm nước sáng lập ASEAN (In-đo-ne-sia, Ma-lai-xia, Phi-lip-pin, Xin-ga-por, Thái Lan)

*** Giai đoạn 1945-1960:** tiến hành công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (*chiến lược kinh tế hướng nội*)

Nội dung:

- Xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ
- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu...

**** Thành tựu:***

- Đáp ứng một số nhu cầu của nhân dân, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo...

**** Hạn chế:***

- Thiếu vốn, nguyên liệu, công nghệ, chi phí cao

*** Từ những năm 60-70 trở đi:** chuyển sang chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo (*chiến lược kinh tế hướng ngoại*)

**** Nội dung:***

- Mở cửa kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật của nước ngoài.
- Tập trung sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển ngoại thương...

**** Thành tựu:***

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao: Thái Lan 9%(1985– 1995), Singapore 12% (1968 – 1973)...đứng đầu 4 con rồng Châu Á.
- Năm 1980, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 130 tỉ USD, chiếm 14% tổng kim ngạch ngoại thương của các quốc gia và khu vực đang phát triển.
- 1997: khủng hoảng tài chính, kinh tế suy thoái, chính trị không ổn định
→ sau vài năm khắc phục các nước ASEAN tiếp tục phát triển.

**** Hạn chế:***

- Phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài...

3. Sự ra đời và phát triển tổ chức ASEAN

a. Hoàn cảnh ra đời

- Sau khi giành độc lập các nước Đông Nam Á cần phải hợp tác với nhau để phát triển và hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.(như Mỹ)
- Sự xuất hiện và phát triển của các tổ chức hợp tác mang tính khu vực (điển hình là Liên minh châu Âu EU) đã tác động đến các nước Đông Nam Á.
- **8-8-1967**, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan), gồm 5 nước: Indonesia, Malaysia, Singapore, Philippine và Thái Lan. Sau đó thêm: Brunây:1984, Việt Nam (7-1995), Lào và Mianma (7-1997) và Campuchia (4-1999).

b. Mục tiêu:

- Phát triển kinh tế và văn hóa giữa các nước trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.
- ASEAN là 1 tổ chức liên minh chính trị-kinh tế của khu vực.

c. Quá trình phát triển (thành tựu) : trải qua hai quá trình

- + 1967-1975: tổ chức còn non yếu chưa có vị trí trên trường quốc tế.
- + 1976-1978: 2/1976 kí hiệp ước Bali, ASEAN có bước phát triển mới và khẳng định vị thế trên trường quốc tế
- + **Nguyên tắc hoạt động: (nội dung Hiệp ước Bali 2-1976)**

- Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
- Không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực với nhau.
- Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình
- Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội...
- + Từ năm 1979 do vấn đề Campuchia quan hệ giữa ASEAN với 3 nước Đông Dương là “đôi đầu”. Từ cuối thập niên 80, đã chuyển từ đôi đầu sang đối thoại (vấn đề Campuchia được giải quyết) mở ra khả năng mới cho mối quan hệ ở Đông Nam Á.
- + Sau khi phát triển thành 10 thành viên (1999) ASEAN đẩy mạnh hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định cùng phát triển.
- 1992 lập khu mậu dịch tự do Đông Nam Á (NAPTA), rồi diễn đàn khu vực (ARF) diễn đàn hợp tác Á-ÂU (ASEM) có sự tham gia nhiều nước Á-Âu.
- 11/2007 hiến chương ASEAN ra đời nhằm xây dựng ASEAN thành cộng đồng vững mạnh.
- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác nhằm xây dựng Cộng đồng ASEAN về kinh tế, văn hóa, chính trị -an ninh vào năm 2015.
- 31/12/2015 thành lập hội đồng kinh tế ASEAN (AEC)

Thời cơ và thách thức khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.

a. Thời cơ

- Kinh tế VN được hội nhập với kinh tế các nước trong khu vực và vươn ra thế giới
- Tạo điều kiện để kinh tế VN rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước.
- Thu hút vốn đầu tư, mở ra cơ hội giao lưu học tập, tiếp thu trình độ khoa học-kỹ thuật, công nghệ, quản lý tiên tiến trên thế giới.
- Mở rộng cơ hội giao lưu văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật...

b. Thách thức

- Nguy cơ bị cạnh tranh, tụt hậu nền kinh tế.
- Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc...
- Nguy cơ mất ổn định về kinh tế-xã hội-chính trị
- ➔ Thái độ: phải bình tĩnh, không bỏ lỡ cơ hội; cần ra sức học tập nắm vững khoa học kỹ thuật, vun đắp văn hóa...

II. Tình hình Ấn Độ:

a. Đấu tranh giành độc lập

- Sau CTTG 2, cuộc đấu tranh đòi độc lập phát triển mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại
- + 19/2/1946 2 vạn thủy binh Bom Bay khởi nghĩa.
- + Đầu năm 1947 bùng nổ cao trào ở nhiều nơi tiêu biểu là bãi công của 40 vạn công nhân Cancutta → Anh buộc phải tiến hành thương lượng với Đảng Quốc Đại và liên đoàn hội giáo kế hoạch Mao-bát-ton

Kết quả: 15/8/1947 Ấn Độ chia thành hai nước theo chế độ tự trị:

- + Ấn Độ theo Ấn Độ giáo
- + Pakistan theo đạo Hồi (26/3/1971 đông Pakistan nổi dậy thành lập nước Băng-la-đét)
- Không thỏa mãn quy chế tự trị, ngày 26-1-1950 Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập Nhà nước cộng hòa.

b. Thành tựu xây dựng đất nước

- **Nông nghiệp: Tiến hành** “cách mạng xanh” → tự túc lương thực (năm 70) → 1995 trở thành nước xuất khẩu gạo thứ 3 thế giới.
- **Công nghiệp:** đứng 10 thế giới, phát triển mạnh công nghiệp nặng, chế tạo máy, điện hạt nhân...
- **Khoa học kỹ thuật:**
- + Là cường quốc công nghiệp phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ...

+ Đặc biệt “Cách mạng chất xám” đưa Ấn Độ trở thành cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.

+ 1974: chế tạo thành công bom nguyên tử

+ 1975: phóng vệ tinh nhân tạo.

c. Đối ngoại

- Luôn thực hiện chính sách hòa bình trung lập tích cực, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc thế giới

- Ngày 07-01-1972, Ấn Độ thiết lập quan hệ với VN.

✳️ Khó khăn hiện nay: sản xuất giảm, nợ nước ngoài nhiều, lạm phát tăng, xung đột về sắc tộc và tôn giáo..

Bài 5

CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LATINH

I. Các nước châu Phi

1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập

- 1945-1950: phong trào phát triển mạnh ở Bắc Phi, tiêu biểu ở Ai Cập thành lập nước cộng hòa (1953), Libi (1952)...sau đó lan các khu vực khác

- 1960, là "Năm châu Phi" với 17 nước được trao trả độc lập

- 1975 với thắng lợi cách mạng ở các nước Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la châu Phi đã hoàn thành lật đổ chủ nghĩa thực dân cũ.

- 1993 Tại Nam Phi, chế độ phân biệt chủng tộc (apacthai) bị xóa bỏ → 1994 Ne-xon Man-đê-la trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của nước Cộng hòa Nam Phi.

2. Tình hình kinh tế-xã hội (bỏ)

II. Các nước Mĩ Latinh

- Đầu thế kỷ XIX đã giành độc lập từ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, nhưng sau đó lệ thuộc Mỹ.

- Sau CTTG II, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ đặc biệt ở Cuba

- **Cách mạng Cuba:** (lá cờ đầu phong trào đấu tranh ở Mỹ la tinh)

+ 3-1952, Mĩ lập chế độ độc tài quân sự do Batixta cầm đầu → 1953 Phi-đen Ca-xto-rô và 135 thanh niên yêu nước tấn công trại lính Môn-ca đa

+ 1-1-1959, chế độ độc tài bị lật đổ, nước Cộng hòa Cuba thành lập → 1961 tiến hành cách mạng XHCN và xây dựng CNXH.

+ 8/1961 Mỹ lập tổ chức liên minh nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của Cu Ba.

- Từ những năm 60 đến 1999: với nhiều hình thức đấu tranh (bãi công, biểu tình.....) cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mỹ La Tinh trở thành “lục địa bùng cháy”

- Kết quả: chính quyền độc tài nhiều nước Mĩ Latinh đã bị lật đổ thành lập các chính phủ dân tộc dân chủ như Vê-nê-xu-ê-la, Pê-ru, Nicaragua, Chile...

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội (bỏ)

Bài 6

NƯỚC MĨ

1. Kinh tế và khoa học- kĩ thuật Mĩ sau CTTG2

a. Kinh tế

✳️ Giai đoạn (1945-1973)

- Sau CTTG2, kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ:

+ Công nghiệp chiếm trên 56% tổng sản lượng công nghiệp thế giới

+ Nông nghiệp bằng hai lần 5 nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật cộng lại

+ Năm 50% số lượng tàu bè đi lại trên biển, 3/4 dự trữ vàng thế giới, chiếm 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới...

→ Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ là trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới

Nguyên nhân phát triển kinh tế:

- Lãnh thổ rộng lớn, TNTN phong phú, nhân lực dồi dào không bị chiến tranh tàn phá

- Dựa vào thành tựu KHKT
- Quân sự hóa nền kinh tế thu lợi từ buôn bán vũ khí 114 tỉ USD
- Các công ty, tập đoàn Mỹ có sức sản xuất, cạnh tranh có hiệu quả trong và ngoài nước.
- Sự điều tiết của nhà nước.

✿ Giai đoạn (1973-2000)

- + 1973-1982: kinh tế suy thoái do khủng hoảng năng lượng 1973
- + 1983: kinh tế bắt đầu được phục hồi phát triển nhưng tỉ trọng giảm sút.
- + Suốt thập niên 90 kinh tế Mỹ vẫn đứng đầu thế giới, chi phối các nước tổ chức kinh tế-tài chính thế giới.

b. Khoa học- kĩ thuật

- Mỹ là nước khởi đầu và đạt nhiều thành tựu cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật hiện đại.
- Chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động)
- Vật liệu mới (polyme, vật liệu tổng hợp)
- Năng lượng mới (nguyên tử, nhiệt hạch)
- Sản xuất vũ khí, chinh phục vũ trụ, “cách mạng xanh” trong nông nghiệp...→thúc đẩy kinh tế Mỹ phát triển ảnh hưởng đến thế giới.
- 1991-2000: Mỹ chiếm tới 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới.

2. Chính sách đối ngoại của Mỹ

✿. Đối ngoại sau CTTG2

- Triển khai “*Chiến lược toàn cầu*” với tham vọng làm bá chủ thế giới với 3 mục tiêu chủ yếu:
 - + Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ CNXH
 - + Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hòa bình, dân chủ trên thế giới
 - + Khống chế, chi phối các nước đồng minh.
- Để thực hiện 3 mục trên, Mỹ đã thực hiện các hoạt động:
 - + Khởi xướng chiến tranh lạnh
 - + Tiến hành nhiều cuộc bạo loạn, đảo chính, các cuộc chiến tranh xâm lược (chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam...)

✿. Đối ngoại sau Chiến tranh lạnh

- Trong thập kỉ 90, Chính quyền B.Clinton thực hiện chiến lược “*Cam kết và mở rộng*” với 3 mục tiêu :
 - + Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu
 - + Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ
 - + Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác
- **Mục tiêu bao trùm:** Mỹ có tham vọng thiết lập trật tự thế “đơn cực”, đóng vai trò lãnh đạo thế giới.
- Vụ khủng bố 11-9-2001 đã dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ trong thế kỉ XXI.

Bài 7 TÂY ÂU

1. Kinh tế Tây Âu

✿. 1945-1973

+ 1945-1950:

- Tây Âu bị chiến tranh tàn phá nặng nề
- 1947 Mỹ thông qua kế hoạch Mac san viện trợ cho Tây Âu 17 tỉ USD→ 1950 kinh tế Tây Âu được khôi phục.

- **1970** Tây Âu trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới với trình độ khoa học-kỹ thuật cao.

Nguyên nhân phát triển:

- Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật.
- Vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của nhà nước có hiệu quả
- Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài như: viện trợ Mỹ; nguồn nguyên liệu rẻ của các nước thế giới thứ ba...

✳. **1973-1991**: suy thoái, khủng hoảng do khủng hoảng năng lượng và sự cạnh tranh gay gắt của Mỹ, Nhật Bản, NIC..

✳. **1991-2000**: kinh tế phục hồi và phát triển (GDP: 7000 tỉ USD, chiếm 1/3 tổng sản lượng công nghiệp thế giới)

2. Chính sách đối ngoại của Tây Âu sau CTTG2

+ 1945-1950:

- Sau CTTG2, các nước Tây Âu ...tái chiếm các thuộc địa.
- Liên minh chặt chẽ với Mỹ→trở thành đối trọng với XHCN.

+ 1950-1973:

- Tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ, đa phương hóa và đa dạng hóa các mối qua hệ.
- Ủng hộ Mỹ xâm lược Việt Nam (trừ Thụy Điển và Phần Lan)
- Cộng hòa Liên Bang Đức gia nhập Nato (5/1955)
- Những năm 1950-1973: nhiều thuộc địa tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kì “phi thực dân” trên phạm vi thế giới.

+ 1973-1991:

- Hiệp định quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được ký kết→ 1990 Đức tái thống nhất.
- 1975 tham gia định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu.
+ **1991-2000**: cơ bản là ổn định, chính sách đối ngoại có nhiều thay đổi, mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

3. Liên minh châu Âu (EU)

a. Quá trình hình thành

- Năm 1951, 6 nước Tây Âu (Pháp, Tây Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxămbua) thành lập “Cộng đồng than-thép” châu Âu.
- Năm 1957, thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu”.
- Năm 1/7/1967, ba tổ chức trên hợp nhất thành “Cộng đồng châu Âu” (EC).
- 1991 hiệp ước Maxtrich (Hà Lan) ký kết → 1/1993: EC đổi thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước thành viên, đến 2007 có 27 thành viên.

b. Mục tiêu

- Hợp tác, liên minh chặt chẽ về kinh tế, tiền tệ và chính trị, an ninh chung (xác định luật công dân chung, chính sách đối ngoại và an ninh chung, hiến pháp chung..)

c. Tổ chức và hoạt động

- Gồm 5 cơ quan chính là: hội đồng châu Âu, tòa án châu Âu, hội đồng bộ trưởng, ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu và các cơ quan chuyên môn khác.
- 6/1979 bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên.
- 3/1995 hủy bỏ việc kiểm soát đi lại của công dân EU qua biên giới của nhau.
- Năm 1999 phát hành đồng tiền chung EURO, đến năm 2002 chính thức được sử dụng ở nhiều nước châu Âu.
→ Ngày nay, EU là tổ chức liên kết khu vực về chính trị, kinh tế lớn nhất hành tinh.
- Chiếm hơn ¼ GDP thế giới.
- 1990 quan hệ Việt Nam và EU được thiết lập phát triển trên cơ sở hợp tác toàn diện.
- EU giúp đỡ, đầu tư, hỗ trợ vốn, và chuyên gia kỹ thuật cho Việt Nam.
- 7/1995 EU và Việt Nam ký hiệp định hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực.

Bài 8 **NHẬT BẢN**

1. Kinh tế Nhật Bản sau CTTG2

a. 1945-1952

- Sau CTTG2, Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) đã thực hiện 3 cuộc cải cách lớn:

+ Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế.

+ Cải cách ruộng đất

+ Dân chủ hóa lao động.

→ 1950-1951: kinh tế đã được phục hồi.

b. 1952-1973 :

- 1952-1960: phát triển nhanh

- 1968-1973: phát triển thần kì (tốc độ tăng trưởng bình quân 10.8%/năm)

→ 1968, vươn lên là cường quốc kinh tế hàng thứ hai thế giới tư bản sau Mỹ → đầu năm 70 Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính thế giới (cùng Mỹ và Tây Âu).

Nguyên nhân kinh tế phát triển

- Ở Nhật, con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.

- Vai trò lãnh đạo, quản lý có hiệu quả của nhà nước Nhật

- Các công ty Nhật năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt nên có sức mạnh và tính cạnh tranh cao

- Áp dụng thành công những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại

- Chi phí quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung đầu tư vốn cho kinh tế.

- Tận dụng tốt yếu tố bên ngoài để phát triển (*viện trợ Mỹ, chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam...*)

Hạn chế kinh tế Nhật

- Lãnh thổ hẹp, dân đông, nghèo tài nguyên, thường xuyên xảy ra thiên tai, phụ thuộc nguyên liệu nhập từ nước ngoài...

- Cơ cấu giữa các vùng kinh tế, giữa công-nông nghiệp mất cân đối.

- Chịu sự cạnh tranh gay gắt của Mỹ, Tây Âu, Trung Quốc...

2. khoa học-kỹ thuật

- Rất coi trọng giáo dục và khoa học kỹ thuật, mua bằng phát minh sáng chế

- Phát triển khoa học - công nghệ chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng (đóng tàu chở dầu 1 triệu tấn, xây đường hầm dưới biển dài 53,8 km nối Honsu và Hokaido, cầu đường bộ dài 9,4 km...)

- 1991-2000: phát triển ở trình độ cao → 1992 phóng 49 vệ tinh nhân tạo hợp tác với Mỹ, Nga trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

3. Chính sách đối ngoại Nhật

- Nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật là *Liên minh chặt chẽ với Mỹ*

- Ký Hiệp ước hòa bình Xan Phanxicô và Hiệp ước An ninh Mỹ-Nhật (9-1951)

- Hiệp ước An ninh được gia hạn nhiều lần và kéo dài vĩnh viễn từ 1996

- 1956 bình thường hóa quan hệ với Liên xô và gia nhập Liên Hợp Quốc.

- Vào thập niên 90 với Học thuyết “Miyadao” và “Hasimôtô” Nhật coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng đối ngoại trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt với Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

- Từ đầu những năm 90, Nhật nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế.

Bài 9

QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

1. Mâu thuẫn Đông-Tây và sự khởi đầu của chiến tranh lạnh

a. Nguồn gốc mâu thuẫn Đông-Tây

- Sau CTTG2, quan hệ Liên Xô- Mỹ chuyển từ liên minh chống phát xít sang thế đối đầu và đi tới Chiến tranh lạnh.
- Đó là sự đối đầu về mục tiêu và chiến lược giữa 2 nước:
 - + **Liên Xô:** Chủ trương duy trì hòa bình an ninh thế giới. Bảo vệ thành quả CNXH và đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới.
 - + **Mỹ:** chống phá Liên Xô và các nước XHCN, đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới, mưu đồ bá chủ thế giới...
- Sau CTTG2, Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, độc quyền vũ khí nguyên tử, tự cho mình lãnh đạo thế giới.

b. Khởi đầu Chiến tranh lạnh

Phía Mỹ:

- Sự kiện được xem là mở đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng chiến tranh lạnh của Mỹ là bản thông điệp của Tổng thống Tru-man gửi quốc hội Mỹ ngày 12 – 3 – 1947. Trong đó, Tổng thống Mỹ khẳng định: Sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn của nước Mỹ và đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.
- Tháng 6/1947 thông qua “kế hoạch Macsan” với khoản viện trợ khoảng 17 tỉ USD để giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh.
- Ngày 4 – 4 – 1949, Mỹ thành lập khối quân sự - tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

Phía Liên xô:

- + Đẩy mạnh giúp đỡ các nước XHCN, khôi phục kinh tế và xây dựng chế độ XHCN vững mạnh.
- + Tháng 1/1949 thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế SEV
- + Tháng 5/1955 thành lập Tổ chức Hiệp ước Vacsava.
- Như vậy sự đối lập về kinh tế, chính trị, quân sự dẫn đến sự xác lập cục diện 2 cực giữa 2 phe, do hai siêu cường Xô – Mỹ đứng đầu, chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.

2. Xu thế hòa hoãn Đông-Tây và chấm dứt Chiến tranh lạnh

- Từ đầu những năm 70, xu thế **hòa hoãn Đông - Tây** đã xuất hiện: với những cuộc gặp gỡ thương lượng Xô-Mỹ
- **11/1972** hai miền nước Đức đã kí kết tại Bon hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa hai miền.
- **1972**, Liên Xô và Mỹ ký hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM), sau đó là Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SALT 1)
- Tháng **8/1975**, Định ước Henxinki khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia và tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hoà bình và an ninh ở châu Âu

*** Chiến tranh lạnh chấm dứt**

- **12/1989** tại đảo Manta (Địa Trung Hải) hai nhà lãnh đạo Goóc- ba-chốp và Bu-sơ đã chính thức tuyên bố *chấm dứt chiến tranh lạnh*,
- Mở ra những điều kiện để giải quyết các cuộc xung đột, tranh chấp ở nhiều khu vực trên thế giới.

*** Nguyên nhân của việc chấm dứt chiến tranh lạnh:**

- Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn 4 thập kỉ đã làm cho cả 2 nước quá tốn kém và suy giảm thế mạnh của họ trên nhiều lĩnh vực.
- Mỹ và Liên Xô đang đứng trước những khó khăn, thách thức lớn:
 - + Sự vươn lên mạnh mẽ của Đức, Nhật, Tây Âu... các nước này đã trở thành đối thủ cạnh tranh đối với Mỹ, còn Liên Xô lúc này đang lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

- + Cuộc chạy đua kinh tế mang tính toàn cầu mà cả thế giới đang gắng sức.
- + Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đang diễn ra sôi nổi, đòi hỏi các nước phải tập trung sức mạnh để chiếm lĩnh.

- Như vậy, muốn vươn lên, cả Mĩ và Liên Xô thấy cần thiết tránh tình trạng đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình. Hai nước Liên Xô và Mĩ cần hợp tác với nhau để góp phần giải quyết những vấn đề bức thiết của toàn cầu.

*** Tác động của sự kiện chấm dứt chiến tranh lạnh:**

- Các nước lớn đều thay đổi đường lối đối ngoại.
- Chiến tranh lạnh chấm dứt mở ra chiều hướng và những điều kiện giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột khu vực như ở Ápganixtan, Campuchia, Namibia.

3. Thế giới sau Chiến tranh lạnh

a. Sự sụp đổ trật tự 2 cực Ianta

- Từ 1989 – 1991, chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu tan rã
- Tháng 6 và 7 năm 1991, khối SEV cùng Tổ chức Varsava chấm dứt hoạt động
- Cực Liên Xô tan rã, thế giới hai cực sụp đổ, Mĩ ra sức thiết lập thế giới “đơn cực”..

b. Các xu thế Thế giới sau Chiến tranh lạnh

- Trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ. Một trật tự thế giới đang dần dần hình thành theo xu hướng “đa cực”
- Các quốc gia tập trung phát triển kinh tế
- Mĩ đang ra sức thiết lập một trật tự thế giới “đơn cực” để làm bá chủ thế giới, nhưng không thực hiện được
- Hòa bình được củng cố nhưng nhiều khu vực thế giới không ổn định, nội chiến, xung đột quân sự kéo dài (Ban-căng, châu Phi, Trung Á).
- Vụ khủng bố 11-09-2001 ở Mĩ đã đặt các quốc gia đứng trước những thách thức của *chủ nghĩa khủng bố*.

Bài 10

CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

1. Cách mạng Khoa học-Công nghệ

a. Nguồn gốc

- Do đòi hỏi của cuộc sống, sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người
- Do sự bùng nổ dân số, sự vơi cạn tài nguyên thiên nhiên

b. Đặc điểm

- Khoa học- Công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp
- Mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học
- Khoa học gắn liền với kỹ thuật, mở đường cho kỹ thuật. Kỹ thuật lại đi trước mở đường cho sản xuất
- Khoa học là nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ

c. Tác động

*** Tích cực:**

- Tăng năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người
- Thay đổi cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, đòi hỏi mới về giáo dục, đào tạo
- Thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa.

*** Tiêu cực:**

- Ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động và giao thông, các dịch bệnh mới, chế tạo vũ khí hủy diệt...

2. XU THẾ TOÀN CẦU HÓA VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ

a. Bản chất : Toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

b. Biểu hiện của toàn cầu hóa:

- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
- Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực (EU, IMF, WTO, APEC, ASEM...)
- Là xu thế khách quan không thể đảo ngược.

c. Tác động của toàn cầu hóa

*** Tích cực:**

- Thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao (nửa đầu thế kỷ XX, GDP thế giới tăng 2,7 lần, nửa cuối thế kỷ tăng 5,2 lần).
- Góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế, đòi hỏi cải cách sâu rộng để nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.

*** Tiêu cực:**

- Làm trầm trọng thêm bất công xã hội và phân hóa giàu nghèo.
- Làm cho mọi mặt của cuộc sống con người kém an toàn, tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của các quốc gia.
- Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, cơ hội lớn cho các nước phát triển mạnh, đồng thời cũng tạo ra những thách thức lớn đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, là nếu bỏ lỡ thời cơ sẽ tụt hậu nguy hiểm.

PHẦN II. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 – 2000

Bài 12

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM (1919-1925)

I. Những chuyển biến mới về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

1. Chính sách Khai thác thuộc địa lần thứ 2 của thực dân Pháp.

a. Hoàn cảnh

- Sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất, Pháp tuy là nước thắng trận nhưng bị thiệt hại nặng nề

Để bù đắp, Pháp thực hiện Chính sách khai thác thuộc địa lần 2 (1919-1929) ở Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam nhằm khôi phục lại địa vị kinh tế, chính trị của Pháp trong thế giới tư bản.

b. Nội dung khai thác.

- Pháp đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn. Trong vòng 6 năm (1924 - 1929) lên 4 tỉ phrăng, vào các ngành kinh tế nhiều nhất là nông nghiệp:
 - + **Nông nghiệp:** đầu tư nhiều nhất, mở rộng diện tích đồn điền cao su...
 - + **Công nghiệp:** mở mang các ngành dệt, muối, xay xát...đặc biệt là khai thác mỏ (than...)
 - + **Thương nghiệp:** ngoại thương phát triển, buôn bán nội địa được đẩy mạnh.
 - + **Giao thông vận tải:** được phát triển, các đô thị được mở rộng, nhiều đoạn đường sắt xuyên Đông Dương được xây dựng. Đường bộ, đường sắt phát triển mạnh. Cảng Sài Gòn và Hải Phòng được mở rộng. Các cảng Hồng Gai, Cẩm Phả, Bến Thủy, Đà Nẵng được xây dựng... dân cư đông hơn.
 - + **Tài chính:** Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương. Thực hiện chính sách tăng thuế và cho vay nặng lãi..

2. Chính sách chính trị-văn hóa-giáo dục của Thực Dân Pháp (đọc thêm).

3. Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam

a. Kinh tế

- Kinh tế của tư bản Pháp ở Đông Dương phát triển mới, đầu tư các nhân tố kỹ thuật và nhân lực sản xuất, song rất hạn chế.
- Kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối và lạc hậu phụ thuộc vào Pháp.

→ Việt Nam thành thị trường độc chiếm của Pháp.

b. Xã hội

- Xã hội Việt Nam ngày càng phân hoá sâu sắc hơn. Bên cạnh giai cấp cũ (địa chủ phong kiến, nông dân) xuất hiện những tầng lớp, giai cấp mới (công nhân, tư sản, tiểu tư sản) với những lợi ích riêng và thái độ chính trị khác nhau.

✱ **Giai cấp địa chủ phong kiến** : tiếp tục phân hóa thành 2 bộ phận:

- + Đại địa chủ cấu kết chặt chẽ với Pháp để cai trị dân ta
- + Một bộ phận trung, tiểu địa chủ có tham gia phong trào dân tộc chống Pháp và tay sai.

✱ **Giai cấp nông dân**: bị đế quốc, phong kiến chiếm đoạt ruộng đất, phá sản không lối thoát. Mâu thuẫn gay gắt với Pháp và phong kiến. Là một lực lượng cách mạng to lớn.

✱ **Giai cấp tiểu tư sản**: phát triển nhanh về số lượng, nhạy bén với thời cuộc, có tinh thần chống Pháp và tay sai.

✱ **Tư sản dân tộc Việt Nam**: số lượng ít, thế lực kinh tế yếu bị phân hóa thành hai bộ phận :

- + Tư sản mại bản: có quyền lợi gắn với Pháp
- + Tư sản dân tộc: có khuynh hướng dân tộc và dân chủ.

✱ **Giai cấp công nhân**:

- Phát triển nhanh về số lượng và chất lượng (1929: 22 vạn)

- Có **đặc điểm chung** với giai cấp công nhân quốc tế:

- + Đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ
- + Điều kiện lao động và sinh sống tập trung

- **Đặc điểm riêng** của giai cấp công nhân Việt Nam:

- + Bị ba tầng áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư sản
- + Có quan hệ gần gũi với nông dân.

+ Kế thừa truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc.

+ Sớm tiếp thu ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới, cách mạng tháng 10 Nga, chủ nghĩa Marx Lenin.

+ Đời sống vật chất, tinh thần hết sức thấp kém và khổ cực nên có tinh thần đấu tranh cách mạng rất triệt để..

- Do hoàn cảnh và đặc điểm ra đời giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành lực lượng chính trị độc lập, thống nhất, tự giác trong cả nước sẽ vươn lên nắm quyền lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.

→ mâu thuẫn xã hội Việt Nam gay gắt, chủ yếu là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với Thực Dân Pháp và bọn phản động tay sai.

II. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ 1919 đến 1925

1. Hoạt động của Phan Bội châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam ở nước ngoài. (đọc thêm)

2. Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam.

a. Phong trào tư sản địa chủ

- Vận động “chấn hưng nội hóa” “bài trừ ngoại hóa”

- Chống độc quyền Cảng Sài Gòn, xuất khẩu gạo

- 1923, thành lập Đảng Lập hiến..

- Ủng hộ quần chúng đấu tranh đòi tự do, dân chủ nhưng khi Pháp nhượng bộ một số quyền lợi thì dễ thỏa hiệp với Pháp.

b. Phong trào tiểu tư sản, trí thức

- Sôi nổi đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ
- Thành lập các tổ chức chính trị: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên... hoạt động dưới nhiều hình thức: mít tinh, biểu tình, bãi khóa viết báo, lập nhà xuất bản (Nam Đồng Thư Xã, Cường Học Thư Xã, Quan Hải Tùng Thư)
- Xuất bản báo tiến bộ: Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê, Hữu Thanh, Tiếng Dân...
- Đấu tranh đòi Pháp thả tự do cho Phan Bội Châu (1925); lễ truy điệu Phan Chu Trinh (1926).
- Đặc biệt có tiếng bom xa điện (Quảng Châu) của Phạm hồng Thái(6/1924) có tác dụng thúc đẩy phong trào cách mạng tiến lên, mở ra thời kì đấu tranh mới cho lịch sử dân tộc.

c. Phong trào công nhân

- Ngày càng nhiều hơn nhưng vẫn còn lẻ tẻ, tự phát.
- 1920 ở Sài Gòn - Chợ Lớn thành lập Công hội (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu
- 8-1925 Cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son tại cảng Sài Gòn phản đối việc đưa chiến hạm sang đàn áp cách mạng Trung Quốc→đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân .(từ tự phát sang tự giác)

d. Nhật xét:

- Phong trào có bước chuyển mới, lực lượng tham gia đông đảo, mục tiêu-hình thức đấu tranh phong phú
- * **Lực lượng:** Đông đảo, nhiều sĩ phu đã chuyển sang lập trường dân chủ tư sản, các hoạt động của tư sản, tiểu tư sản, công nhân, nông dân...nở ra khắp nơi
- * **Mục tiêu:** Theo nhiều khuynh hướng khác nhau: khuynh hướng dân chủ tư sản, khuynh hướng vô sản...
- * **Hình thức:** Có cả đấu tranh tập hợp, công khai, bí mật, bất hợp pháp...

4. Hoạt động yêu nước của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài từ 1911-1925

- Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành đã rời cảng Nhà Rồng (tên văn Ba) sang các nước phương Tây tìm đường cứu nước.
- Từ 1912-1917, Người đến nhiều nước ở châu Phi, châu Mỹ...người nhận rõ đâu là bạn đâu là thù.
- Cuối 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919).
- Tháng 6-1919, Nguyễn Ái Quốc gửi tới hội nghị Véc-xai “*Bản yêu sách của nhân dân An Nam*” đòi quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng của nhân dân Việt Nam
- Tháng 7-1920, Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin→ quyết tâm đi theo con đường Cách mạng tháng 10 Nga.
- Tháng 12-1920, tham dự *Đại hội Đại biểu của Đảng Xã hội Pháp* ở Tua bỏ phiếu tán thành gia nhập *Quốc tế Cộng sản*, trở thành đảng viên Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. (**đánh dấu bước ngoặt tư tưởng Nguyễn Ái Quốc đã từ chủ nghĩa dân tộc đến với chủ nghĩa cộng sản, từ chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân thành chiến sĩ quốc tế vô sản, là người mở đường cho sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam**)
- 1921, Người lập *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Paris để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân ra báo “*Người cùng khổ*” là cơ quan ngôn luận của hội
- Người viết bài cho báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân*, đặc biệt biên soạn tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*....
- 6/1923: Người đến Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và Đại hội Quốc tế Cộng sản lần V (1924)
- Tháng 11-1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp tuyên truyền, giáo dục lý luận, xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam

Bài 13

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ 1925-1930

1. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

a. Hoàn cảnh thành lập

- Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu, liên lạc một số người VN yêu nước, với tổ chức Tâm tâm xã, chọn 1 số thanh niên tích cực lập ra Cộng sản đoàn (2-1925)
- 6 -1925, lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*
- Ra Báo **Thanh niên** (21-6-1925). Cơ quan ngôn luận của Hội
- 7- 1925, lập ra *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông*

b. Hoạt động

- Năm 1927, các bài giảng của NAQ được in thành sách “Đường Kách mệnh
- Báo Thanh niên và sách “Đường Kách mệnh” trang bị lý luận cho cán bộ cách mạng, là tài liệu tuyên truyền cho nhân dân...
- Từ cuối 1928, Hội tổ chức phong trào “vô sản hóa” đưa hội viên thâm nhập vào các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền...tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức chính trị
- Sự tuyên truyền CN Mác-Lênin đã khiến phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện cho sự ra đời 3 tổ chức cộng sản ở VN năm 1929.

2. Việt Nam Quốc Dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

a. Thành lập

- 25-12-1927 Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính... thành lập **Việt Nam Quốc dân đảng**
- Đây là chính đảng theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, đại biểu cho tư sản dân tộc Việt Nam

b. Mục đích

- Lúc đầu mới thành lập chưa rõ ràng
- Từ 1928-1929, hai lần thay đổi chủ nghĩa (do nghèo nàn lý luận, thiếu kiên định...)

c. Hoạt động

- Chủ yếu ở miền Bắc
- Tháng 2-1929 tổ chức ám sát trùm mộ phu Ba danh (Bazin) ở Hà Nội, bị Pháp khủng bố dã man → khởi nghĩa
- Khởi nghĩa đầu tiên ở Yên Bái (9-2-1930) lan ra một số tỉnh nhưng nhanh chóng thất bại.

d. Nguyên nhân thất bại

- Chưa có cương lĩnh rõ ràng, thành phần ô hợp, không được quần chúng tham gia. Khởi nghĩa bị động, Pháp còn quá mạnh...

e. Ý nghĩa

- Cổ vũ lòng yêu nước, chí căm thù giặc của nhân dân, tiếp nối truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc Việt Nam

3. Sự xuất hiện 3 tổ chức Cộng sản cuối năm 1929

- Năm 1929 phong trào dân tộc dân chủ ngày càng phát triển, kết thành làn sóng dân tộc lan rộng.
- Tháng 3-1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc Kỳ **lập ra Chi bộ cộng sản**
- Tháng 5-1929, tại Đại hội lần I của *Hội VN cách mạng thanh niên* tại Hương Cảng (Trung Quốc), đoàn đại biểu Bắc Kỳ đặt vấn đề thành lập Đảng Cộng sản song không được chấp nhận nên bỏ về nước. **đầu tiên**
- 17-6-1929, đại biểu cộng sản miền Bắc họp quyết định thành lập **Đông Dương cộng sản đảng**
- Tháng 8 -1929: Cán bộ tiên tiến trong Tổng bộ và kỳ bộ *VN cách mạng thanh niên* ở Nam kỳ thành lập **An Nam cộng sản đảng**

- Tháng 9 - 1929: một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt lập ***Đông Dương cộng sản liên đoàn***

*** Ý nghĩa:**

- Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản (1929) là một xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

4. Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời

a. Hội nghị thành lập Đảng

Hoàn cảnh:

- Cuối 1929, ba tổ chức cộng sản ra đời, hoạt động riêng rẽ, làm ảnh hưởng đến tâm lý quần chúng và sự phát triển chung của phong trào cách mạng nước ta.

- Yêu cầu thống nhất 3 tổ chức CS được đặt ra bức thiết

- Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm về Trung Quốc, triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức CS thành 1 đảng duy nhất

- Hội nghị diễn ra tại Cửu Long (Hong Công) bắt đầu từ ngày 6-1-1930.

Nội dung hội nghị:

- Nguyễn Ái Quốc phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản riêng lẻ và nêu chương trình hội nghị...

- Hội nghị nhất trí hợp nhất 3 tổ chức Cộng sản thành một Đảng duy nhất, lấy tên Đảng Cộng sản VN.

- Thông qua Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đây là bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

→ Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản mang tầm vóc lịch sử như một Đại hội thành lập Đảng.

- Đại hội Đảng lần III (9-1960) quyết định lấy ngày 3-2 hằng năm làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

b. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên

- ***Chiến lược cách mạng:*** tiến hành “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

- ***Nhiệm vụ cách mạng:*** đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến, tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập tự do

- ***Lực lượng cách mạng:*** công nông, tiểu tư sản, trí thức; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, địa chủ, tư sản

- ***Lãnh đạo cách mạng:*** Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản, giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

→ Đây là cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập, tự do là tư tưởng chủ yếu của cương lĩnh

c. Ý nghĩa việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

- Đảng cộng sản VN ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp

- Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở VN

- Là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng VN vì:

+ Đảng trở thành chính đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng VN

- Từ đây cách mạng VN có đường lối đúng đắn, khoa học, sáng tạo...

- Cách mạng VN trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới

- Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử tiến hóa của cách mạng VN

Bài 14

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1935

1. Tình hình Việt Nam trong những năm 1929-1933

a. Kinh tế

- Từ 1930, kinh tế VN bước vào thời kỳ suy thoái
- *Nông nghiệp*: lúa gạo bị sụt giá, ruộng đất bỏ hoang
- *Công nghiệp*: hầu hết bị suy giảm, xuất khẩu đình đốn, giá cả đắt đỏ.

b. Xã hội

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 làm trầm trọng hơn tình hình xã hội Việt Nam:
- *Công nhân*: bị sa thải, đồng lương ít ỏi
- *Nông dân*: mất đất, chịu thuế cao, bị bóc lột.
- *Các tầng lớp khác*: gặp rất nhiều khó khăn.
- Mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, trong đó 2 mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

2. Phong trào cách mạng 1930-1931

a. Nguyên nhân

- Khủng hoảng kinh tế 1929-1930 đã gây ra nhiều khó khăn cho kinh tế-xã hội VN
- Pháp khủng bố dã man những người yêu nước, nhất là sau khởi nghĩa Yên Bái → tăng thêm mâu thuẫn và bất ổn.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào

b. Diễn biến phong trào

- Từ tháng 2 đến 4-1930: nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân nổ ra
- Tháng 5, bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động (1-5).
- Tháng 6, 7, 8-1930 phong trào tiếp tục sôi nổi trên cả nước
- Tháng 9, phong trào dâng cao ở Nghệ An và Hà Tĩnh:
- Nông dân biểu tình kéo đến huyện lỵ, tỉnh lỵ đòi giảm thuế, được công nhân Vinh, Bến Thủy hưởng ứng...
- Hệ thống chính quyền địch tê liệt, tan rã...

c. Xô viết Nghệ- Tĩnh

- Xô viết ra đời ở Nghệ An (9-1930), Hà Tĩnh (cuối 1930-đầu 1931) thực hiện quyền làm chủ của quần chúng, thực sự là chính quyền kiểu mới:
- *Chính trị*: thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, thành lập đội tự vệ đỏ và tòa án...
- *Kinh tế*: chia ruộng đất công cho dân cày nghèo, bãi bỏ các thứ thuế, xóa nợ ..
- *Văn hóa – xã hội*: mở lớp dạy chữ quốc ngữ, các tệ nạn xã hội bị xóa bỏ...
- Chính quyền “xô viết” đem lại lợi ích cho nhân dân, chứng tỏ bản chất ưu việt... Đỉnh cao phong trào cách mạng 1930-1931.

3. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng CS Việt Nam (10-1930)

a. Hoàn cảnh

- Tháng 10- 1930 Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng CSVN đã họp tại Hương Cảng (Trung Quốc)

b. Nội dung hội nghị

- Đổi tên Đảng CSVN thành Đảng Cộng sản Đông Dương
- Cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm Tổng bí thư
- Thông qua Luận cương chính trị do Trần Phú khởi thảo.

*** Nội dung Luận cương chính trị:**

- *Chiến lược cách mạng*: lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền, sau đó tiến thẳng lên XHCN, bỏ qua thời kỳ TBCN
- *Nhiệm vụ*: đánh đổ phong kiến và đế quốc là hai nhiệm vụ có quan hệ khăng khít.
- *Động lực cách mạng*: vô sản và nông dân.
- *Lãnh đạo cách mạng*: giai cấp vô sản với đội tiên phong là Đảng Cộng sản.
- Nêu rõ hình thức, phương pháp đấu tranh, mối quan hệ giữa cách mạng VN với CM thế giới.

*** Hạn chế của Luận cương chính trị:**

- Chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương
- Không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu, nặng về đấu tranh giai cấp
- Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo bộ phận trung, tiểu địa chủ...

4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm phong trào 1930-1931.

a. Ý nghĩa lịch sử

- Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng các nước Đông Dương.
- Khối liên minh công nông hình thành.
- Được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế → Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bộ độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản
- Là cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này

b. Bài học kinh nghiệm

- Để lại bài học quý về công tác tư tưởng, xây dựng khối liên minh công nông, mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh

Bài 15

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939

1. Bối cảnh lịch sử giai đoạn 1936-1939

a. Tình hình thế giới

- Những năm 30 của thế kỷ XX, phát xít cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.
- Năm 1935, Đại hội lần VII - Quốc tế Cộng sản xác định nhiệm vụ chống chủ nghĩa phát xít, thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi.
- Năm 1936, Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, thi hành cải cách tiến bộ ở thuộc địa

b. Tình hình trong nước

- *Chính trị*: Nhiều đảng phái chính trị hoạt động, nhưng ĐCS Đông Dương là Đảng mạnh nhất.
- *Kinh tế*: Pháp tập trung đầu tư, khai thác thuộc địa để bù đắp sự thiếu hụt cho kinh tế Pháp (chiếm ruộng đất, đẩy mạnh khai mỏ, độc quyền thuốc phiện, rượu...)
- *Xã hội*: đời sống nhân dân khó khăn nên hăng hái tham gia đấu tranh đòi tự do, cơm áo, hòa bình...

2. Phong trào dân chủ 1936-1939

a. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7-1936

*** Hoàn cảnh:**

- Tháng 7-1936, Hội nghị do Lê Hồng Phong chủ trì, họp ở Thượng Hải (Trung Quốc).
- Hội nghị dựa vào Nghị quyết Đại hội lần VII của Quốc tế Cộng sản và tình hình thực tế Việt Nam để đưa ra đường lối, phương pháp đấu tranh cho cách mạng Việt Nam giai đoạn 1936-1939.

*** Hội nghị xác định:**

- *Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng*: chống đế quốc và phong kiến
- *Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt*: đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình...
- *Phương pháp đấu tranh*: Kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
- *Chủ trương*: Thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương → Tháng 3-1938, đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- Sau đó, các Hội nghị Trung ương vào năm 1937, 1938 đã bổ sung, phát triển nội dung trên

b. Phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh dân chủ

- Thành lập Ủy ban hành động khắp nơi tiến tới triệu tập *Đông Dương Đại hội* (1936)
- Năm 1937, Đảng tổ chức mít tinh *đón Gô-đa và Brevie* để biểu dương lực lượng, đưa yêu sách dân sinh, dân chủ.
- 1937-1939: nhiều cuộc mít tinh tổ chức công khai, tiêu biểu nhân ngày Quốc tế lao động 01-05-1938 ở Hà Nội, Sài Gòn

3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm phong trào 1936-1939

a. Ý nghĩa lịch sử

- Là phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng...buộc Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách...
- Quần chúng được giác ngộ về chính trị, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu
- Cán bộ được tập hợp và trưởng thành
- Tích lũy được nhiều kinh nghiệm đấu tranh
- Phong trào động viên, tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đập tan những luận điệu xuyên tạc, phá hoại các thế lực phản động...

b. Bài học kinh nghiệm

- Xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất
 - Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp
 - Đảng thấy được hạn chế trong công tác mặt trận, dân tộc
- Đây là một *cuộc diễn tập thứ hai*, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

Bài 16

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939-1945)

1. Tình hình Việt Nam trong những năm 1939-1945

a. Tình hình chính trị

- Ngày 1-9-1939, Chiến tranh Thế giới 2 bùng nổ
- Tháng 6-1940 chính phủ Pháp đầu hàng Đức → Pháp thực hiện chính sách thù địch đối với phong trào cách mạng ở thuộc địa.

*** Ở Đông Dương:**

- Pháp hiện chính sách vơ vét sức người, sức của để dốc vào cuộc chiến tranh
- Tháng 9-1940, Nhật vào miền Bắc Việt Nam, Pháp đầu hàng → Nhật Giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét kinh tế phục vụ cho chiến tranh
- Các đảng phái thân Nhật tuyên truyền thuyết Đại Đông Á dọn đường cho việc hất cẳng Pháp sau này.

*** Bước vào năm 1945:**

- Phe phát xít thất bại trên toàn các chiến trường
- Ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp, các đảng phái chính trị ở VN tăng cường hoạt động, nhân dân sẵn sàng khởi nghĩa...

b. Tình hình kinh tế-xã hội

*** Kinh tế:**

- *Chính sách của Pháp:* Thi hành chính sách “Kinh tế chỉ huy”: tăng thuế cũ, đặt thêm thuế mới...sa thải công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm
- *Chính sách của Nhật:* Cướp ruộng đất của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa, ngô để trồng đay... phục vụ cho chiến tranh. Buộc Pháp xuất cảng các nguyên liệu chiến tranh sang Nhật với giá rẻ. Công ty của Nhật đầu tư vào những ngành phục vụ cho quân sự như măng-gan, sắt

*** Xã hội:**

- Chính sách bóc lột của Pháp-Nhật đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực: Cuối 1944 đầu năm 1945 có 2 triệu đồng bào ta chết đói

- Các giai cấp, tầng lớp ở nước ta đều bị ảnh hưởng...

→ Trước tình hình này, đòi hỏi Đảng phải kịp thời, đề ra đường lối đấu tranh phù hợp.

2. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Công sản Đông Dương tháng 11-1939

a. Hoàn cảnh:

- Tháng 11-1939, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn-Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

b. Hội nghị xác định:

- *Nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt:* Đánh đổ đế quốc tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

- *Chủ trương:* Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ phản bội. Khẩu hiệu lập Chính phủ dân chủ cộng hòa.

- *Phương pháp đấu tranh:* Chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai. Từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp.

- *Quyết định:* Thành lập Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

- *Ý nghĩa:* Đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Đưa nhân dân ta bước vào thời kỳ trực tiếp vận động cứu nước.

3. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Công sản Đông Dương tháng 5-1941.

a. Hoàn cảnh

- Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

- Từ ngày 10 đến 19-5-1941, Người chủ trì *Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng* tại Pác Bó (Cao Bằng)

b. Hội nghị xác định:

- *Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt:* là **giải phóng dân tộc**

- Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay bằng khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, thành lập Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...

- Ngày 19-5-1945 thành lập *Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh)*, giúp đỡ việc lập mặt trận ở Lào, Campuchia...

- Xác định hình thái khởi nghĩa: đi từ khởi nghĩa từng phần lên Tổng khởi nghĩa, coi chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm...

Ý nghĩa: Hội nghị lần thứ 8 đã hoàn chỉnh chủ trương được đề ra từ Hội nghị tháng 11-1939, nhằm giải quyết mục tiêu số một là độc lập dân tộc

4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

- Sau Hội nghị lần 8 (5-1941), Đảng và nhân dân đã tích cực chuẩn bị tất cả các mặt để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền:

*** Xây dựng lực lượng chính trị-vũ trang:**

- Ở Cao Bằng: xây dựng các Hội Cứu quốc, Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao-Bắc-Lạng được thành lập. Ở miền Bắc và miền Trung: các Hội cứu quốc mới được thành lập

- Năm 1943, Đảng đưa ra bản "Đề cương văn hóa VN" → 1944, Hội văn hóa cứu quốc VN, Đảng dân chủ VN thành lập.

- Các đội du kích Bắc Sơn thành lập. Năm 1941, các đội du kích Bắc Sơn thống nhất thành *Trung đội Cứu quốc quân số I*, phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng.

- Tháng 9-1941, *Trung đội Cứu quốc quân II* ra đời

*** Xây dựng căn cứ địa:**

- Năm 1940, Căn cứ địa Bắc Sơn, Võ Nhai được xây dựng

- Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm căn cứ địa

*** Gấp rút chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền:**

- Tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp vạch ra kế hoạch, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang
- Các Hội Cứu quốc được xây dựng củng cố. Ở Bắc Sơn - Võ Nhai, *Trung đội cứu quốc quân III ra đời (2-1944)*
- Ở Cao Bằng, các đội tự vệ vũ trang, đội du kích thành lập → 1943 có 19 ban “xung phong “Nam tiến” được lập ra
- Tháng 5-1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị “sửa soạn khởi nghĩa”
- Ngày 22-12-1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* thành lập, đánh thắng hai trận Phay Khắt và Nà Ngần.

5. Khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến tháng 8-1945

a. Hoàn cảnh

- Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, dựng Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim. Thực chất là độc chiếm Đông Dương
- Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: “*Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, nêu rõ:
- Kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là ***phát xít Nhật***
- Thay khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp” bằng “Đánh đuổi phát xít Nhật”.
- Hình thức đấu tranh: từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị sang sẵn sàng Tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.
- Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước

b. Diễn biến

- Ở căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện...
- Ở Bắc Kỳ, khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” thu hút hàng triệu người tham gia.
- Ở Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội du kích Ba Tơ
- Ở Nam Kỳ, Việt Minh hoạt động mạnh mẽ ở Mỹ Tho, Hậu Giang.

c. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa

- Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ (4-1945) quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang
- Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng VN, Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp (4-1945)
- Khu giải phóng Việt Bắc và Ủy ban lâm thời Khu giải phóng được thành lập (6-1945)

6. Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám 1945

a. Nhật đầu hàng Đồng Minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố

*** Thời cơ Tổng khởi nghĩa:**

- Đầu tháng 8-1945, quân Nhật bị quân Đồng minh tấn công mạnh mẽ: Ngày 9-8-1945, Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật
- Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang dao động cực độ → điều kiện khách quan có lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến

*** Chủ trương của ta (chớp thời cơ):**

- Ngày 13-8-1945, biết tin Nhật sắp đầu hàng, Trung ương Đảng và Việt Minh đã: Thành lập Ủy ban khởi nghĩa Toàn quốc và Ban bố: “*Quân lệnh số 1*”, phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- Từ ngày 14 đến 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) đã: Thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa. Và Quyết định các vấn đề đối nội, đối ngoại sau khi giành chính quyền.

- Từ ngày 16 đến 17-8-1945, Đại hội Quốc dân ở Tân Trào cũng đã: Tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa. Thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh. Và cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

→ Đây là thời cơ “ngàn năm có một” cho Tổng khởi nghĩa vì:

- Chưa lúc nào như lúc này, cách mạng nước ta hội tụ được nhiều điều kiện thuận lợi như thế.

- Thời cơ “ngàn năm có một” chỉ tồn tại trong từ sau khi quân Nhật đầu hàng đến trước khi quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật (đầu tháng 9-1945)

- Do đó, ta kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa trước khi quân Đồng minh vào thì nhanh chóng thắng lợi và ít đổ máu.

b. Diễn biến Cách mạng Tháng Tám 1945

- Chiều ngày 16-8-1945, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Tân Trào về giải phóng thị xã Thái Nguyên

- Ngày 18-8, có 4 tỉnh (Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam) giành chính quyền

- Ngày 19-8, nhân dân Hà Nội đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch như Phủ Khâm sai, Tòa thị chính... khởi nghĩa thắng lợi

- Ngày 23-8, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế

- Ngày 25-8, nhân dân Sài Gòn giành được chính quyền

- Ngày 28-8, Ở các nơi khác, nhân dân nổi dậy → Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi trong cả nước

- Ngày 30-8, vua Bảo Đại chính thức thoái vị. Chế độ phong kiến sụp đổ.

7. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời

- Ngày 25-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng từ Tân Trào về Hà Nội

- Ngày 28-8-1945, Ủy ban Dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Ngày 2-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

* Nội dung cơ bản Tuyên ngôn Độc lập:

- Bản Tuyên ngôn nêu rõ: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân tộc ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập...”

- Cuối bản Tuyên ngôn khẳng định ý chí sắt đá của nhân dân Việt Nam là quyết giữ vững nền tự do, độc lập vừa giành được: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”

8. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử Cách mạng tháng Tám 1945.

a. Nguyên nhân thắng lợi

* Nguyên nhân chủ quan:

- Dân tộc VN có truyền thống yêu nước, khi Đảng Cộng sản Đông Dương, Việt Minh phát cao cờ khởi nghĩa cứu nước thì toàn dân nhất tề đứng lên.

- Có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng do Hồ Chí Minh đứng đầu

- Quá trình chuẩn bị lâu dài (15 năm), chu đáo, rút kinh nghiệm qua đấu tranh.

- Trong những ngày khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân quyết tâm cao. Đảng chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, chớp đúng thời cơ

* Nguyên nhân khách quan:

- Quân Đồng minh đánh thắng phát xít, tạo cơ hội khách quan thuận lợi cho nhân dân ta khởi nghĩa thành công

b. Ý nghĩa lịch sử

* Đối với nước ta:

- Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc: *Phá tan* xiềng xích nô lệ của Pháp - Nhật, *lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*...
- Mở ra kỷ nguyên mới: kỉ nguyên độc lập, tự do; nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước
- Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo
- * **Đối với thế giới:**
- Thắng lợi Cách mạng Tháng Tám đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít.
- Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng

Bài 17

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ NGÀY 2-9-1945 ĐẾN 19-12-1946

1. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945

a. Những khó khăn

* **Ngoại xâm-nội phản:**

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay khi vừa ra đời đã đối mặt với muôn vàn khó khăn. Quân đội các nước Đồng minh dưới danh nghĩa giải pháp quân Nhật đã vào nước ta:
- *Miền Bắc:* 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo theo sau là tay sai phản động (Việt Quốc, Việt Cách) hòng giành lại chính quyền
- *Miền Nam:* hơn 1 vạn quân Anh kéo vào, dọn đường cho Pháp trở lại xâm lược nước ta...
- *Cả nước:* Còn hơn 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp, trong đó 1 bộ phận theo lệnh Anh đánh lại ta...
- Bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy, làm tay sai cho Pháp, chống phá cách mạng...

* **Về chính quyền**

- Chính quyền cách mạng vừa thành lập, chưa được củng cố, lực lượng vũ trang còn non yếu.

* **Về kinh tế:**

- Nạn đói chưa khắc phục, tiếp đó là nạn lụt lớn, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân khó khăn...
- Ngân sách Nhà nước trống rỗng, Chính quyền chưa quản lý được Ngân hàng Đông Dương...

* **Về văn hóa:**

- Hơn 90% dân số mù chữ
- *Đất nước đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”*

b. Những thuận lợi cơ bản:

* **Trong nước:**

- Nhân dân đã giành quyền làm chủ nên phấn khởi, gắn bó với chế độ
- Cách mạng nước ta có Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng suốt lãnh đạo

* **Ngoài nước**

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.
- Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao, phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ phát triển

2. Giải quyết những khó khăn

a. Xây dựng chính quyền

- Ngày 6-1-1946, cả nước tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, bầu 333 đại biểu
- Tháng 3-1946, Quốc hội thông qua danh sách *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu

- Tháng 11-1946, Bản Hiến pháp đầu tiên được ban hành.
- Các địa phương thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ bầu cử hội đồng nhân dân các cấp
- Quân đội Quốc gia VN ra đời (5-1946). Lực lượng dân quân tự vệ củng cố, phát triển.

Ý nghĩa: Giáng một đòn mạnh vào âm mưu chống phá của kẻ thù, tạo cơ sở vững chắc cho nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Làm cho bộ máy chính quyền được kiện toàn từ trung ương xuống địa phương, góp phần bảo vệ, giữ vững và phát huy thành quả của cách mạng tháng tám.

b. Giải quyết nạn đói

- Quyên góp, điều hòa thóc gạo, nghiêm trị những kẻ đầu cơ...Hồ Chủ tịch kêu gọi “nhường cơm sẻ áo”...
 - Trên khắp cả nước, nhân dân lập “Hũ gạo cứu đói”, tổ chức “Ngày đồng tâm”...
 - Tăng gia sản xuất “Tắc đất tắc vàng”, Giảm tô 25%, giảm thuế 20%, tạm cấp ruộng đất hoang cho nông dân
- sản xuất nông nghiệp nhanh chóng khôi phục, nạn đói dần dần bị đẩy lùi.

c. Giải quyết nạn dốt

- Tháng 9-1945, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh lập *Nha Bình dân học vụ*, kêu gọi nhân dân xóa nạn mù chữ
 - Nội dung và phương pháp giáo dục được đổi mới theo tinh thần dân tộc dân chủ
- Cuối 1946, trên toàn quốc gần 76 nghìn lớp học, xóa mù chữ cho hơn 2,5 triệu người

d. Giải quyết khó khăn về tài chính

- Kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân cả nước qua “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng”.. thu được 370 kg vàng, 20 triệu đồng “Quỹ độc lập”, 40 triệu đồng “Quỹ đảm phụ quốc phòng”...
- Ngày 23-11-1946, Quốc hội cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

3. Đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản và bảo vệ chính quyền

a. Kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ

- Đêm 22 rạng sáng 23-09-1945, Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai.
- Quân dân Sài Gòn, Nam Bộ nhất tề nổi lên chống Pháp, đánh kho tàng, phá nguồn tiếp tế...
- Các “đoàn quân Nam tiến” vào Nam chiến đấu; nhân dân quyên góp giúp Nam Bộ kháng chiến..

b. Đấu tranh với Trung hoa Dân Quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc

- Do ta phải đối phó Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam và sự uy hiếp quân Trung Hoa Dân quốc ở Bắc Bộ → Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc.
- Nhường cho Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong Quốc hội, 4 ghế Bộ trưởng trong Chính phủ, 1 chức Phó Chủ tịch nước (Nguyễn Hải Thần)
- Nhân nhượng quân Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi kinh tế như cung cấp một phần lương thực thực phẩm, cho phép lưu hành tiền Trung Quốc trên thị trường.
- Để giảm sức ép, công kích của kẻ thù, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “tự giải tán” (11-11-1945), thực chất là rút vào hoạt động bí mật.
- Các tổ chức phản cách mạng, tay sai...kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ chúng. Có bằng chứng trừng trị theo pháp luật.

*** Ý nghĩa**

- Hạn chế mức thấp nhất các hoạt động chống phá của Trung Hoa Dân Quốc và tay sai
- Làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.

c. Hòa hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân Quốc

- Ngày 28-2-1946, Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí *Hiệp ước Pháp-Hoa*: Theo đó, Pháp được đưa quân ra Bắc thay quân Trung Quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

- Hiệp ước Hoa – Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn: Hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp. Hoặc hòa hoãn, nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng phải đối phó một lúc với nhiều kẻ thù.

- Đảng quyết định chọn con đường “Hòa để tiến” với việc kí với Pháp bản **Hiệp định sơ bộ** (ngày 6-3-1946)

*** Nội dung Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946:**

- Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân độn và tài chính riêng, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

- Chính phủ Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp ra Bắc giải giáp quân Nhật và rút dần trong 5 năm.

- Hai bên ngừng xung đột ở miền Nam, tạo không khí thuận lợi cho các cuộc đàm phán tiếp theo...

*** Ý nghĩa việc kí Hiệp định Sơ bộ:**

- Ta tránh được việc phải đương đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân Quốc về nước

- Có thêm thời gian hòa bình để củng cố, chuẩn bị lực lượng

- Ta và Pháp tiếp tục đàm phán ở Hội nghị Phông-ten-nơ-blô nhưng thất bại → Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp bản **Tạm ước (14-9-1946)**, tạo thêm thời gian hòa bình để củng cố lực lượng...

Bài 18

NHỮNG NĂM ĐẦU CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1946-1950)

1. Kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ

a. Nguyên nhân bùng nổ kháng chiến

- Mặc dù đã kí Hiệp định Sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9 nhưng Pháp vẫn cường hoạt động khiêu khích, tiến công ta ở Nam Bộ, Trung Bộ, Hải Phòng, Lạng Sơn, nhất là ở Hà Nội.

- Ngày 18-12-1946, Pháp gửi tới hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu để Pháp giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Nếu không chúng sẽ hành động vào ngày 20-12-1946.

- Trước tình thế khẩn cấp đó, ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quân kháng chiến* → Kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

b. Đường lối kháng chiến

- Đường lối kháng chiến của dân tộc ta được nêu rõ trong 3 tác phẩm: *Chỉ thị Toàn dân Kháng chiến* (Ban Thường vụ Trung ương Đảng)-*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (Hồ Chí Minh)- *Kháng chiến nhất định thắng lợi* (Trường Chinh)

- Đường lối kháng chiến chống Pháp là *kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế*

c. Những thắng đầu kháng chiến (chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16)

- Ở Hà Nội: khoảng 20 giờ ngày 19-12-1946, cuộc chiến đấu bắt đầu. Nhân dân tìm mọi cách làm chướng ngại vật, chiến lũy chống giặc

- Trung đoàn Thủ đô được thành lập và tiến đánh những trận quyết liệt ở Bắc Bộ phủ, Chợ Đồng Xuân, Nhà Bưu điện...

- Sau 60 ngày đêm chiến đấu kiên cường → Ngày 17-2-1946, quân ta rút khỏi vòng vây ra căn cứ an toàn.

- Ở các đô thị khác (Bắc Giang, Nam Định, Huế...) quân ta bao vây, tiến công và tiêu diệt nhiều tên địch

- Cuộc chiến đấu này đã tạo điều kiện cho cả nước đi vào kháng chiến lâu dài.

2. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947

a. Âm mưu hành động của Pháp và chủ trương của ta:

- Tháng 3-1947, Cao ủy Pháp Bô-la-ec thực hiện kế hoạch tiến công Việt Bắc, nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh
- Ngày 7-10-1947 Pháp huy động 12.000 quân mở cuộc tấn công lên Việt Bắc
- Đảng ra chỉ thị: “*Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp*”

b. Diễn biến chính

- Ta bao vây tiến công quân dù địch ở Bắc Kạn, chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã... buộc Pháp phải rút khỏi chợ Đồn, Chợ Rã (tháng 11-1947)
- *Phía Đông*: ta chặn đánh trên đường số 4, tiêu biểu là trận đèo Bông Lau (30-10-1947)
- *Phía Tây*: ta chặn đánh địch trên sông Lô, nổi bật là trận Đoan Hùng, Khe Lau đánh chìm nhiều tàu chiến, tiêu diệt hàng trăm tên địch
- Hai gọng kìm của Pháp bị bẻ gãy. Ngày 19-12-1947, Pháp rút khỏi Việt Bắc.

c. Kết quả:

- Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca-nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.
- Cơ quan đầu não ta được bảo vệ, bộ đội chủ lực ta trưởng thành.

d. Ý nghĩa:

- Đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của ta chuyển sang giai đoạn mới: buộc địch phải chuyển từ “*đánh nhanh thắng nhanh*” sang “*đánh lâu dài*”, thực hiện chính sách “*dùng người Việt đánh người Việt*” “*lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*”.

3. Hoàn cảnh lịch sử mới và Chiến dịch Biên giới thu đông 1950

a. Hoàn cảnh lịch sử mới

*** Thuận lợi:**

- Từ sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, cuộc kháng chiến ta có thêm những thuận lợi, song cũng không ít khó khăn thách thức mới
- Ngày 1-10-1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời
- Đầu 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN công nhận, đặt quan hệ ngoại giao với ta

*** Khó khăn:**

- Tháng 5-1949, với sự đồng ý của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Rơ-ve:
 - + Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4
 - + Thiết lập “Hành lang Đông Tây” từ Hải Phòng đến Sơn La
 - + Chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc lần 2 mong giành thắng lợi kết thúc chiến tranh.

b. Chiến dịch Biên giới thu-đông 1950.

*** Chủ trương của ta:**

- Tháng 6-1950, ta chủ động mở chiến dịch Biên giới nhằm:
 - + Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch
 - + Khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới
- + Mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc
- Bác Hồ ra mặt trận cùng Bộ chỉ huy chỉ đạo và động viên bộ đội chiến đấu.

*** Diễn biến chính:**

- Ngày **16-09-1950**, ta tiến công Đông Khê, Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập → Pháp rút khỏi Cao Bằng theo đường số 4
- Ta chặn đánh địch trên đường số 4, buộc Pháp rút khỏi Thất Khê, Na Sầm... đường số 4 được giải phóng (22-10-1950).

*** Kết quả:**

- Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 8.000 địch. Giải phóng đường biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân.
- Chọc thủng “hành lang Đông Tây”, phá vỡ thế bao vây của Pháp. Kế hoạch Rơ-ve phá sản

*** Ý nghĩa:**

- Con đường liên lạc của ta với các nước XHCN được khai thông
- Quân đội ta trưởng thành và giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ
- Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến

Bài 19

BUỐC PHÁT TRIỂN CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951-1953)

1. Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương

a. Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh

- Để thực hiện âm mưu thay chân Pháp, từ tháng 5-1949, Mĩ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược:
- Mĩ ký với Pháp *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (12-1950)*. Tăng cường viện trợ cho Pháp và tay sai.
- Tháng 9-1951, ký với Bảo Đại “*Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ*” nhằm ràng buộc Bảo Đại vào Mỹ.

b. Kế hoạch Đờ Lát đờ Tátxinhhi

- Dựa vào viện trợ của Mĩ, cuối 1950 Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đờ Tátxinhhi nhằm kết thúc nhanh chóng chiến tranh với 4 điểm chính:
 - + Tập trung quân Âu-Phi nhằm xây dựng một lực lượng quân cơ động mạnh và xây dựng “quân đội quốc gia” (ngụy quân)
 - + Xây dựng phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt (boong ke), lập “vành đai trắng”.
 - + Tiến hành “chiến tranh tổng lực”, bình định vùng tạm chiếm, vơ vét sức người sức của
 - + Đánh phá hậu phương của ta bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp...
- *Đưa cuộc chiến tranh Đông Dương lên quy mô lớn, làm cho cuộc đấu tranh của ta ở vùng sau lưng địch trở nên khó*

2. Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng (2-1951)

a. Hoàn cảnh

- Từ ngày 11 đến 19-2-1951, Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở xã Vinh Quang (Chiêm Hóa-Tuyên Quang)

b. Nội dung

- Thông qua hai bản báo cáo quan trọng:
- *Báo cáo chính trị* do Hồ Chủ tịch trình bày tổng kết kinh nghiệm đấu tranh qua các thời kỳ
- Báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* của TBT Trường Chinh, nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng VN là đánh đuổi đế quốc, giành độc lập, thực hiện “Người cày có ruộng” phát triển chế độ dân chủ nhân dân
- Tách Đảng Cộng sản Đông Dương, thành lập mỗi nước một đảng Mác- Lenin.
- Đảng ta ra hoạt động công khai với tên Đảng Lao động VN
- Thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới
- Bầu Ban Chấp hành Trung ương mới: Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

c. Ý nghĩa

- Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng
- Đây là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”

3. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt

a. Về chính trị

- Thống nhất *Mặt trận Việt Minh* và *Hội Liên Việt* thành *Mặt trận Liên Việt* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch (3-1951)

- Thành lập *Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào* để tăng cường khối đoàn kết 3 nước Đông Dương (3-1951)
- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong các ngành (bầu được 7 anh hùng đầu tiên của cuộc kháng chiến)

b. Về kinh tế:

- Thực hiện triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất ở vùng tự do
- Vận động nhân dân lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, chấn chỉnh thuế khóa, ngân hàng...

c. Về văn hóa, giáo dục, y tế

- Tiếp tục cải cách giáo dục theo 3 phương châm “ phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh và phục vụ sản xuất”
- Văn nghệ sĩ hăng hái thâm nhập mọi mặt cuộc sống...
- Công tác vệ sinh phòng dịch, xây dựng đời sống mới...

Bài 20

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953-1954)

1. Âm mưu mới của Pháp-Mĩ: Kế hoạch Nava

a. Hoàn cảnh

- Sau 8 năm xâm lược VN, Pháp thiệt hại ngày càng lớn, bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39 vạn quân, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, lâm vào thế phòng ngự, bị động.
- Mỹ can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương, ép Pháp phải kéo dài và mở rộng chiến tranh.
- Tháng 5-1953, Pháp cử Nava làm Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương, đề ra kế hoạch trong 18 tháng

b. Nội dung kế hoạch Nava

- *Kế hoạch Nava chia thành 2 bước:*
- **Bước 1:** trong thu – đông 1953 và xuân 1954 *giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược để bình định miền Trung và Nam, xây dựng đội quân cơ động mạnh.*
- **Bước 2:** từ thu – đông 1954, *chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quyết định, buộc ta đàm phán theo điều kiện có lợi cho Pháp.*
- Để thực hiện kế hoạch, từ thu-đông 1953, Nava *tập trung ở đồng bằng Bắc bộ 44 tiểu đoàn cơ động* tiến hành càn quét vùng chiếm đóng vào Ninh Bình, Thanh Hóa...

2. Cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954

a. Chủ trương, kế hoạch của ta:

- Cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị Đảng họp ở Việt Bắc bàn về kế hoạch quân sự trong đông xuân 1953-1954, với phương hướng:
- Tập trung lực lượng tiến công vào những *hướng quan trọng, nơi mà địch tương đối yếu nhưng quan trọng về chiến lược mà chúng không thể bỏ*, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai.
- Chủ động phân tán lực lượng, tạo điều kiện tiêu diệt chúng

b. Diễn biến

- Ngày 10-12-1953, bộ đội ta tiến công và giải phóng thị xã Lai Châu. Pháp điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ → *Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ 2 của Pháp.*
- Tháng 12-1953, liên quân Lào-Việt tiến công Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt, uy hiếp Xa-van-na-khet và Xê-nô, buộc địch phải tăng cường quân → *Xê-nô trở thành nơi tập trung quân thứ 3 của Pháp*
- Tháng 1-1954, liên quân Lào – Việt tiến công Thượng Lào, giải phóng tỉnh Phong Xa-lì. Pháp tăng cường quân cho Luông Pha-bang và Mường Sải → *Luông Pha-bang và Mường Sải thành nơi tập trung quân thứ 4 của Pháp.*

- Tháng 2-1954, ta giải phóng Kon Tum, uy hiệp Pleiku → *Pleiku trở thành nơi tập trung quân thứ 5*

c. Ý nghĩa

- Thắng lợi đã chuẩn bị về vật chất và tinh thần, mở cuộc tiến công quyết định vào Điện Biên Phủ

3. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954

a. Âm mưu của Pháp-Mĩ

- Nava xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương để thu hút lực lượng của ta

- Ở đây có 16.200 quân địch, hệ thống phòng ngự mạnh gồm 3 phân khu, 49 cứ điểm mạnh.

→ Điện Biên Phủ là “một pháo đài bất khả xâm phạm”, trung tâm của kế hoạch Nava

b. Chủ trương của ta

- Tháng 12-1953, Đảng quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào

- Ta huy động một lực lượng lớn chuẩn bị cho chiến dịch: khoảng 55.000 quân, hàng chục ngàn tấn vũ khí, phương tiện chuyên chở...

c. Diễn biến

- Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt:

- *Đợt 1: Từ 13-3 → 17-3-1954*, ta tấn công, tiêu diệt Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

- *Đợt 2: Từ 30-3 → 26-4-1954*, ta tấn công các cứ điểm phía Đông phân khu Trung tâm như: E1, C1, A1... bao vây, chia cắt địch.

- *Đợt 3: Từ 1-5 → 7-5-1954*, ta đồng loạt tấn công phân khu Trung tâm và phân khu Nam → Chiều ngày 7-5, tướng Đờ Caxtori và toàn bộ ban tham mưu của địch đầu hàng và bị bắt sống.

- *Kết quả:* Ta loại khỏi vòng chiến 16.200 địch, bắn rơi 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

d. Ý nghĩa

- Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp

- Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

4. Hiệp định Giơ-ne-vơ

a. Nội dung Hiệp định

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết. Gồm những nội dung sau:

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của VN, Lào, Campuchia.

- Các bên tham chiến ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương...

- Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân chuyên giao khu vực

+ *Ở Việt Nam* : quân đội nhân dân VN và quân Pháp tập kết ở 2 miền Bắc-Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời

- Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương

- Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7-1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế.

- Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục họ.

b. Ý nghĩa:

- Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp

- Buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh, rút quân đội về nước

- Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng xâm lược Đông Dương

- *Hạn chế của Hiệp định*: Thắng lợi chống Pháp chưa trọn vẹn vì mới giải phóng miền Bắc. Cuộc cách mạng phải tiếp tục nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

5. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954

a. Nguyên nhân thắng lợi

- Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo; toàn dân toàn quân ta đoàn kết một lòng, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động sản xuất.

- Nhờ có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng; lực lượng vũ trang với 3 thứ quân sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh;; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

- Liên minh chiến đấu 3 nước Đông Dương chống kẻ thù chung. Sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân và loài người tiến bộ.

b. Ý nghĩa lịch sử

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị thực dân của Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước ta. Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang cách mạng XHCN tạo cơ sở để ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới hai

- Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới ở Á, Phi, Mỹ La- tinh.

Bài 21

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐẤU TRANH CHỐNG MĨ Ở MIỀN NAM (1954-1965)

1. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng sau Hiệp định Giơ-ne-vơ

a. Tình hình

*** Về phía ta**

- Nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ

- Ngày 10-10-1954, quân ta tiếp quản thủ đô trong không khí tung bừng ngày hội giải phóng.

- Ngày 1-1-1955, Trung ương Đảng, Chính phủ, Hồ Chủ tịch ra mắt nhân dân thủ đô.

*** Về phía Pháp**

- Tháng 5-1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Cát Bà (Hải Phòng)

- Giữa tháng 5-1956, Pháp rút quân khỏi miền Nam khi chưa Tổng tuyển cử thống nhất Bắc-Nam.

- Mĩ thay chân Pháp ở miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, hòng chia cắt VN...

b. Nhiệm vụ và quan hệ cách mạng hai miền Bắc-Nam

*** Nhiệm vụ**

- Đất nước bị chia cắt 2 miền, thực hiện 2 nhiệm vụ khác nhau: *Miền Bắc*: hoàn toàn giải phóng, khôi phục kinh tế, tiến lên CNXH. *Miền Nam*: tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất đất nước.

*** Quan hệ**

- Nhiệm vụ 2 miền khác nhau, nhưng cùng mục đích chung là thống nhất đất nước, tiến lên CNXH.

- Miền Bắc là hậu phương, miền Nam là tiền tuyến. Thắng lợi cách mạng mỗi miền đều là thắng lợi chung cách mạng.

2. Hoàn thành cải cách ruộng đất (1954-1957)

a. Mục đích

- Đảm bảo về yêu cầu quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân; củng cố khối liên minh công-nông, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng và Chính phủ quyết định phát động cải cách ruộng đất.

b. Diễn biến

- Tiến hành 5 đợt cải cách ruộng đất, tịch thu nhiều ruộng đất và nông cụ của địa chủ chia cho hơn 2 triệu nông dân
- Khẩu hiệu "Người cày có ruộng" đã trở thành hiện thực.

c. Hạn chế

- Đã phạm một số sai lầm như đấu tố tràn lan, thô bạo, đấu tố cả những địa chủ kháng chiến, quy nhầm một số nông dân, cán bộ, đảng viên thành địa chủ
- Sai lầm đã được Đảng kịp thời sửa chữa, nhờ đó hậu quả được hạn chế.

3. Phong trào Đồng khởi 1959-1960

a. Hoàn cảnh

- Trong những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn, tổn thất: Mĩ-Diệm tăng cường khủng bố phong trào đấu tranh quần chúng, ra *Luật 10/59* đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật...
- **Tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương Đảng 15** quyết định để nhân dân miền Nam **sử dụng bạo lực** cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ-Diệm. Với phương hướng cơ bản khởi nghĩa giành chính quyền bằng **đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang**.

b. Diễn biến

- Lúc đầu phong trào nổ ra lẻ tẻ ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi)... sau lan khắp miền Nam, tiêu biểu ở Bến Tre.
- Ngày 17-1-1960, "Đồng khởi" nổ ra ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre), sau đó lan nhanh ra toàn tỉnh Bến Tre
- Quần chúng nổi dậy phá vỡ từng mảng lớn chính quyền của địch, thành lập Ủy ban Nhân dân tự quản, thành lập lực lượng vũ trang, tịch thu ruộng đất của địa chủ...
- Phong trào lan khắp Nam Bộ, đến năm 1960, ta làm chủ nhiều thôn xã ở Nam Bộ, ven biển Trung Bộ và Tây Nguyên.

c. Ý nghĩa

- Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ. Làm lung lay tận gốc chế độ tay sai Ngô Đình Diệm
- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển *từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công*.
- Từ khi thế đó, ngày 20-12-1960, **Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời**.

4. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960)

a. Nội dung đại hội

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960 Đại hội lần III của Đảng Lao động Việt Nam đã diễn ra tại Hà Nội

- Đại hội đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng cả nước và 2 miền: Xác định vai trò cách mạng của từng miền:
- Cách mạng XHCN ở *miền Bắc* có vai trò *quyết định nhất*
- Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở *miền Nam* có vai trò *quyết định trực tiếp*.
- *Cách mạng hai miền* có quan hệ mật thiết, gắn bó, tác động lẫn nhau nhằm thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.
- Thông qua báo cáo chính trị, Báo sử đổi điều lệ Đảng, kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965) và Bầu Ban chấp hành Trung ương (Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng)

b. Ý nghĩa

- Nghị quyết Đại hội là nguồn sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

5. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam (1961-1965)

a. Hoàn cảnh-âm mưu

- Từ cuối 1960, hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài Ngô Đình Diệm bị thất bại, Mĩ buộc phải chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961-1965)
- Là *hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới*, tiến hành bằng *quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ*, dựa vào vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại lực lượng cách mạng của nhân dân ta.
- Âm mưu cơ bản: *"dùng người Việt đánh người Việt"*

b. Thủ đoạn-hành động

- Mĩ đề ra kế hoạch Staley-Taylor nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.
- Thực hiện kế hoạch: Mĩ tăng nhanh viện trợ, cố vấn quân sự, lực lượng quân đội Sài Gòn, dồn dân lập “Áp chiến lược”. Sử dụng phổ biến các chiến thuật mới như “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”.
- *Quân đội Sài Gòn* mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại miền Bắc.

6. Miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"

- Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng, nhân dân miền Nam nổi dậy tấn công địch trên cả 3 *vùng chiến lược* (rừng núi-nông thôn đồng bằng- đô thị) bằng 3 *mũi giáp công* (chính trị-quân sự-binh vận)

a. Chống phá "Áp chiến lược"

- Diễn ra gay go quyết liệt giữa ta và địch: hàng chục triệu người tham gia phá "áp chiến lược" xây dựng làng chiến đấu, kiên quyết bám đất, giữ làng, phá thế kìm kẹp của địch
- Đến cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát trên nửa tổng số áp với gần 70% nông dân.

b. Mặt trận quân sự

- Quân ta giành thắng lợi mở đầu vang dội trong trận *Áp Bắc (Mĩ Tho)* ngày 2-1-1963: đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2.000 binh lính quân đội Sài Gòn và cố vấn Mĩ.
- Chiến thắng này **chứng minh miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại "Chiến tranh đặc biệt"** mở ra phong trào "*Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công*"

c. Đấu tranh chính trị

- Ở các đô thị lớn (Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng...) có bước phát triển mạnh mẽ, nổi bật là đấu tranh của “đội quân tóc dài”, đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, chống lại sự đàn áp của chính quyền Diệm.

→ các phong trào đấu tranh đã đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 1-11-1963, một cuộc đảo chính đã lật đổ Diệm.

→ Trước nguy cơ thất bại kế hoạch Staley-Taylor, Mĩ đã đưa ra kế hoạch Johnson-McNamara để thay thế.

Đến đông xuân 1964-1965, quân dân ta chiến thắng ở *Bình Giã* (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước) → làm *phá sản cơ bản chiến lược Chiến tranh đặc biệt*.

- Đây là thất bại có tính chiến lược lần 2 của Mĩ. Buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược *Chiến tranh cục bộ*...

Bài 22

TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1965-1973)

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam (1965-1968)

a. Hoàn cảnh-âm mưu

- Sau khi chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản, Mĩ phải chuyển sang chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc (1965-1968)
- Là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng *quân Mỹ, đồng minh và quân đội Sài Gòn* với phương tiện chiến tranh hiện đại. Quân số lúc cao nhất (1969) lên đến 1,5 triệu tên, trong đó quân Mĩ chiếm hơn nửa triệu.

b. Mục tiêu- hành động

- Với ưu thế về binh lực và hỏa lực và chiến mới, Mĩ cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy ta về phòng ngự, buộc ta phải phân tán nhỏ hoặc rút về biên giới.
- Thực hiện cuộc hành quân “*tìm diệt*” vào Vạn Tường (Quảng Ngãi) và mở 2 cuộc phản công mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 vào vùng “Đất thánh Việt Cộng”.

3. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ"

a. Trận Vạn Tường

- Ngày 18-8-1965, Mĩ huy động 9.000 quân và nhiều xe tăng, máy bay, tàu chiến mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường (Quảng Ngãi).

- Sau một ngày chiến đấu, ta đã đẩy lùi và loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

- Chiến thắng Vạn Tường được coi là “Áp Bắc” đối với Mỹ, **mở đầu cho cao trào “tìm Mỹ đánh, lùng ngụy mà diệt”** trên khắp miền Nam

b. Chiến thắng 2 mùa khô

- *Mùa khô 1965-1966*: Quân dân ta đã đập tan các cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ nhất với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân “tìm diệt” vào Liên khu V và Đông Nam Bộ.

- *Mùa khô 1966-1967*: Quân dân ta đã đập tan các cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ hai với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” của địch. *Lớn nhất là cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu* nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

c. Đấu tranh chính trị

- Phong trào đấu tranh quần chúng chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng “áp chiến lược” đòi Mỹ rút phát triển mạnh

- Vùng giải phóng ngày càng mở rộng, uy tín *Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam VN* được nâng cao.

d. Cuộc tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968

*** Chủ trương và diễn biến:**

- Mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị

- Tiêu diệt quân Mỹ, đồng minh và chính quyền quân đội Sài Gòn, buộc Mỹ phải đàm phán rút quân về nước.

- Cuộc Tổng tiến công diễn ra 3 đợt trong năm 1968

*** Ý nghĩa:**

- Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “*phi Mỹ hóa*” chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại *Chiến tranh cục bộ*)

- Chấm dứt điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận ngồi vào vòng đàm phán tạo Paris bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam

4. Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc 1964-1965 (lần 1)

a. Âm mưu

- Phá tiềm lực kinh tế - quốc phòng, phá công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc

- Ngăn chặn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam

- Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ của nhân dân Việt Nam

b. Thủ đoạn

- Mỹ dựng lên “*sự kiện vịnh Bắc Bộ*” (5-8-1964) lấy cớ ném bom, bắn phá một số nơi ở Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh.

- Tháng 2-1965, lấy cớ trả đũa Quân giải phóng tiến công Mỹ ở Pleiku, Mỹ chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Mỹ huy động một lực lượng không quân, hải quân rất lớn, gồm hàng nghìn máy bay F111, B52...đánh vào các mục tiêu quân sự, giao thông, nhà máy, xí nghiệp khắp miền Bắc. → Ta bắn rơi và phá hủy hàng ngàn máy bay và tàu chiến → 1-11-1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom.

5. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ.

a. Hoàn cảnh-âm mưu

- Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng thành “Đông Dương hóa chiến tranh”

- Chiến lược này được tiến hành bằng *quân đội Sài Gòn là chủ yếu*, có sự phối hợp của *hỏa lực và không quân Mỹ*, vẫn do cố vấn Mỹ chỉ huy.

- Tiếp tục thực hiện âm mưu “Dùng người Việt đánh người Việt” để giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường.

b. Hành động-thủ đoạn

- Sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích để mở rộng xâm lược Campuchia (1970) và Lào (1971), thực hiện âm mưu “Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”

- *Dùng thủ đoạn ngoại giao*: Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với cuộc kháng chiến ta.

6. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"

a. Thắng lợi về chính trị:

- Ngày 6-6-1969, *Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam* thành lập, được 23 nước công nhận, 21 nước đặt quan hệ ngoại giao
- Tháng 4-1970, hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương quyết tâm đoàn kết chống Mỹ.

b. Trên mặt trận quân sự

- Từ tháng 4 đến tháng 6-1970, quân dân Việt-Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn Mỹ và quân Sài Gòn
- Từ tháng 2 đến tháng 3-1971, Quân dân Việt – Lào đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn 719" chiếm đường 9- Nam Lào của 4,5 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn
- Ở các thành thị, phong trào học sinh sinh viên phát triển rầm rộ. Ở nông thôn, đồng bằng... quần chúng nổi dậy chống bình định, phá ấp chiến lược.

c. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972

- Ngày 30-3-1972, ta bất ngờ mở cuộc tiến công chiến lược, đánh vào Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, rồi phát triển rộng khắp miền Nam.
 - Quân ta chọc thủng 3 phòng tuyến: Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ
- Ý nghĩa:** *Giáng một đòn vào chiến lược "VN hóa chiến tranh". Buộc Mỹ phải tuyên bố "Mỹ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược*

7. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2-"Điện Biên Phủ trên không" 1972

a. Hoàn cảnh

- Ngày 16-4-1972, Nixon tuyên bố chính thức tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân, hải quân phá hoại miền Bắc (lần 2)
- Từ ngày 18-12 đến 29-12-1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta kí một hiệp định có lợi cho Mỹ.
- Quân dân miền Bắc đánh bại cuộc tập kích của chúng, làm nên trận: "*Điện Biên Phủ trên không*".

b. Kết quả

- Trong trận "*Điện Biên Phủ trên không*", ta bắn rơi 81 máy bay, bắt sống 43 phi công Mỹ, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của chúng.
- Trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần hai, miền Bắc bắn rơi 735 máy bay, 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến hàng trăm phi công Mỹ

c. Ý nghĩa

- Trận "*Điện Biên Phủ trên không*" là trận quyết định buộc Mỹ phải tuyên bố ngưng các hoạt động chống phá miền Bắc và ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (1-1973)

8. Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam

a. Nội dung

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí vào ngày 27-1-1973 với những nội dung chủ yếu:

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam và Hoa Kỳ chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.
- Hoa Kỳ và đồng minh rút hết quân đội, hủy bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam
- Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp nước ngoài.
- Các bên thừa nhận ở miền Nam có 2 chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị.
- Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt, Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam.

b. Ý nghĩa

- Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao. Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta trên cả 2 miền đất nước. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến.
- Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết về nước.
- Là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo thời cơ thuận lợi để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Bài 23

GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM

1. Hội nghị lần thứ 21 và Chiến thắng Đường 14-Phước Long

- Tháng 7-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp **Hội nghị lần thứ 21** nêu rõ nhiệm vụ cơ bản cách mạng miền Nam là *tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ bằng con đường cách mạng bạo lực*, kiên quyết đấu tranh trên cả 3 mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao
- Thực hiện Nghị quyết 21, từ cuối 1973, quân dân miền Nam đánh trả địch, mở rộng vùng giải phóng
- Quân dân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh Đường 14-Phước Long (từ tháng 12-1974 đến 6-1-1975), giải phóng đường 14 và toàn tỉnh Phước Long.
- Tình hình thay đổi mau lẹ, so sánh lực lượng ngày càng chuyển biến có lợi cho ta. Trên cơ sở đó, Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam

2. Giải phóng hoàn toàn miền Nam

a. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam.

- Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cuối 1974 đầu 1975, đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975-1976.
- Hội nghị nhấn mạnh, “*cả năm 1975 là thời cơ*” và chỉ rõ “*nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*”
- Cần phải tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.

b. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

* Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4-3 đến 24-3)

- + *Nguyên nhân*: Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của ta, nên địch bố trí lực lượng đây mỏng...
- + *Diễn biến*:
 - Ngày 4-3, ta đánh nghi binh ở Pleiku
 - Ngày 10-3, ta tiến công Buôn Ma Thuật → 12-3, địch phản công nhưng thất bại → quân địch hỗn loạn
 - Ngày 14-3, địch rút khỏi Tây Nguyên, bị quân ta truy kích
 - Ngày 24-3, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng
- + *Ý nghĩa*:
 - Mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền
 - Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ từ *tiến công chiến lược* sang *Tổng tiến công chiến lược*

* Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ 21-3 → 29-3)

- Ngày 21-3, ta tấn công Huế, chặn đường rút chạy của địch.
- Ngày 26-3, giải phóng thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.
- Ngày 29-3, quân ta tiến công Đà Nẵng và đến 3 giờ chiều Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng
- *Cuối tháng 3 đầu tháng 4*, giành chính quyền ở các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên, một số tỉnh Nam Bộ...
- + *Ý nghĩa*: Gây nên tâm lý tuyệt vọng trong quân đội Sài Gòn. Đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của nhân dân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo

* Chiến dịch Hồ Chí Minh (26-4 → 30-4)

- + *Hoàn cảnh*: Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn mang tên **chiến dịch Hồ Chí Minh**
- + *Diễn biến*:
 - 17 giờ ngày 26-4, Chiến dịch HCM bắt đầu, 5 cách quân của ta vượt qua tuyến phòng thủ ngoài, tiến vào trung tâm thành phố

- 10 giờ 45 phút ngày 30-4, xe tăng ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Sài Gòn, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.
- 11 giờ 30 phút ngày 30-4, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng
- + Ý nghĩa: Chiến dịch HCM toàn thắng đã tạo điều kiện thuận lợi cho quân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam ngày 2-5-1975.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chống Mỹ.

a. Nguyên nhân thắng lợi

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt.
- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh đáp ứng kịp thời các yêu cầu chiến đấu cả hai miền.
- Sự đoàn kết giúp đỡ nhau của 3 dân tộc ở Đông Dương. Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN. Phong trào nhân dân thế giới phản đối chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

b. Ý nghĩa lịch sử

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước
- Mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH
- Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới
- Mãi mãi ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất...

Bài 24

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

1. Tình hình hai miền Bắc-Nam sau năm 1975

a. Miền Bắc.

- Tình hình.

- + Đạt thành tựu to lớn sau 21 năm tiến hành cách mạng XHCN → Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH.
- + Nhiều nước công nhận và đặt ngoại giao.
- + Hậu quả của chiến tranh phá hoại để lại nặng nề.

- Nhiệm vụ.

- + Khắc phục hậu quả chiến tranh.
- + Từng bước khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.
- + Thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Campuchia trong thời kì mới.

- Kết quả.

- + Giữa năm 1976, hoàn thành việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế - xã hội.
- + Sự nghiệp văn hóa, y tế tiếp tục phát triển.

b. Miền Nam.

- Tình hình.

- + Hoàn toàn được giải phóng, hoàn thành CM DTDCND, chế độ TD mới của Mỹ và bộ máy chính quyền Sài Gòn sụp đổ.
- + Nền kinh tế trong khủng hoảng nhất định phát triển theo hướng TBCN nhưng vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nhỏ lẻ phân tán và phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài.
- + Cơ sở của chủ nghĩa thực dân ở địa phương cùng với những di hại xã hội vẫn tồn tại.
- + Hậu quả chiến tranh để lại nặng nề: nhiều làng mạc, ruộng đồng bị tàn phá, ruộng đất bị bỏ hoang hoặc nhiễm chất độc hóa học. Hàng triệu người thất nghiệp...

- Nhiệm vụ.

- + Ổn định tình hình chính trị - xã hội.
- + Khắc phục hậu quả chiến tranh và khôi phục kinh tế xã hội.

- Kết quả.

- + Tiếp quản vùng mới giải phóng, thành lập chính quyền cách mạng.

- + Chính quyền cách mạng chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp, thực hiện người cày có ruộng, hoạt động trở lại các cơ sở công nghiệp, quan hệ thương mại.
- + Các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục được tiến hành khẩn trương ngay từ những ngày đầu mới giải phóng.

→ **Nhiệm vụ chung cả nước:**

- + Khắc phục hậu quả chiến tranh.
- + Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội 2 miền.
- + ***Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.***

2. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

a. Hoàn cảnh

- Sau năm 1976, đất nước thống nhất về mặt lãnh thổ nhưng mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau:
- + Miền Bắc: chính phủ VNDCCH.
- + Miền Nam: chính phủ lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam.
- Nguyên vọng của nhân dân là có một nhà nước thống nhất.
- Thực tế lịch sử dân tộc cho thấy “đất nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”.

b. Chủ trương của Đảng.

- 9/1975, Hội nghị BCH TƯ lần 24 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Hội nghị nhấn mạnh: “thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam”.

c. Quá trình thống nhất.

- Tháng 11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất được tổ chức
- Tháng 4-1976, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành
- Từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7-1976, Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì họp đầu tiên, quyết định: tên nước là *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Quốc huy, Quốc kì, Quốc ca; Sài Gòn-Gia định đổi tên là *Thành phố Hồ Chí Minh*.
- Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nhà nước, bầu ban dự thảo hiến pháp.
- Quyết định việc tổ chức thành 3 cấp chính quyền ở địa phương và mỗi cấp có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

d. Ý nghĩa.

- Tạo điều kiện để thống nhất đất nước trên các lĩnh vực.
- Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện đất nước, khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.
- Đây là yêu cầu tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam, bảo vệ thành quả giành được trong cách mạng tháng tám, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.
- Thể hiện ý chí, nguyện vọng của dân tộc Việt Nam là xây dựng một nước Việt Nam thống nhất, độc lập và XHCN.

Bài 25.

VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1986)

I. BƯỚC ĐẦU ĐI LÊN CNXH (1976-1986)

II. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC.

1. Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam.

- Hành động xâm lược của tập đoàn Pôn pốt:
- + Tập đoàn Pôn Pốt lên nắm chính quyền ở Campuchia đã thực hiện chính sách thù địch với Việt Nam như: mở những cuộc hành quân khiêu khích, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ nước ta từ Hà Tiên đến Tây Ninh.
- + Đầu 5/1975, chúng cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc, sau đó đánh chiếm đảo Thổ Chu.
- + 22/12/1978, lực lượng Pôn Pốt mở cuộc tấn công qui mô lớn đánh chiếm thị xã Tây Ninh, tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.
- Lực lượng Việt Nam phản công:
- + Tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược biên giới Tây Nam.

+ Theo yêu cầu của Mặt Trận đoàn kết nhân dân cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam đã tiến công vào lãnh thổ Campuchia tiêu diệt chế độ diệt chủng, tạo điều kiện cho nhân dân Campuchia giải phóng Phnôm Pênh (7/1/1979), nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia được thành lập.

2. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc.

- Hành động xâm lược của Trung Quốc:

+ Ủng hộ Trung Quốc chống Việt Nam, khiêu khích dọc biên giới phía Bắc. Họ dựng lên sự kiện “nạn Kiều”, cắt viện trợ, rút chuyên gia.

+ Ngày 17/2/1979, quân đội Trung Quốc tấn công biên giới phía Bắc từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

+ Quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân 6 tỉnh phía Bắc đã đứng lên chiến đấu bảo vệ biên giới.

- Kết quả: Ngày 18/3/1979, Trung Quốc rút quân khỏi Việt Nam.

3. Nhận xét chung.

- Tính chất: Là cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc mang tính chất tự vệ.

- Khẳng định ý chí, quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Tổ Quốc.

- Khẳng định đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, sự chỉ đạo chiến lược tài tình, sắc bén của Đảng.

- Khẳng định quyền tự vệ chính đáng của quân dân Việt Nam, kiên quyết đánh trả mọi cuộc tấn công xâm phạm chủ quyền lãnh thổ.

- Đồng thời thể hiện roc khát vọng hòa bình, mong muốn chấm dứt xung đột để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Bài 26

ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Hoàn cảnh đổi mới

- Sau 10 năm xây dựng CNXH (1976-1986) ta đạt được nhiều thành tựu, song cũng gặp không ít khó khăn, khủng hoảng... yêu cầu phải đổi mới

- Đường lối đổi mới của nước ta được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12-1986) được điều chỉnh, bổ sung và phát triển ở Đại hội VII và các đại hội sau.

2. Nội dung đổi mới:

a. Đổi mới về kinh tế

- Xây dựng nền kinh tế nhiều ngành nghề, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN

- Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại

b. Đổi mới về chính trị

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, nền dân chủ XHCN, thực hiện quyền dân chủ nhân dân

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

3. Thành tựu

- Hoàn thành mục tiêu 3 chương trình kinh tế:

- *Lương thực-thực phẩm*: từ chỗ thiếu ăn, đến 1990 đáp ứng nhu cầu, có dự trữ và xuất khẩu

- *Hàng hóa tiêu dùng*: dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối tốt, chất lượng cao

- *Hàng xuất khẩu*: từ 1986-1990, xuất khẩu tăng 3 lần, mới những mặt hàng có số lượng lớn: gạo, dầu thô...

→ Kiểm chế được lạm phát, hạch toán kinh doanh, giảm bớt khó khăn...

4. Ý nghĩa

- Hình thành nền **kinh tế nhiều thành phần (thị trường) vận hành theo cơ chế thị trường**

- Chứng tỏ **đường lối đổi mới là đúng, bước đi phù hợp...**

HẾT